

TẬP TRUNG CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ LÚA VỤ HÈ THU, VỤ MÙA VÀ CHUẨN BỊ VỤ ĐÔNG 2016 CÁC TỈNH PHÍA BẮC

Để đảm bảo sản xuất lúa vụ hè thu, vụ mùa và vụ đông thắng lợi, hạn chế tối đa thiệt hại do sâu bệnh và điều kiện bất thuận của thời tiết; ngày 6/9/2016 Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Công văn số 1734/TT-CLT gửi Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phía Bắc về việc tập trung chăm sóc và bảo vệ lúa vụ hè thu, vụ mùa và chuẩn bị vụ đông 2016 ở các tỉnh phía Bắc. Nội dung cụ thể như sau:

1. Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân tuyệt đối không bón bổ sung đạm đơn cho lúa, tập trung bón thúc kali cho diện tích lúa mới bước vào phân hóa đòng để tránh gây tình trạng non hóa bộ lá, nhất là lá công năng, khi gặp mưa rào, gió mạnh lá dễ bị tổn thương và là cơ hội để bệnh bạc lá phát sinh, lây lan gây hại mạnh.

2. Với diện tích lúa đã có triệu chứng bệnh bạc lá (lá bị khô cháy chóp lá và hai bên mép lá) tuyên truyền nông dân sử dụng một số loại thuốc đặc hiệu, phun theo hướng dẫn của ngành bảo vệ thực vật. Tuyệt đối không sử dụng thuốc tràn lan, kết hợp nhiều loại thuốc với phân qua lá gây lãng phí và ô nhiễm môi trường.

3. Thực hiện tốt kỹ thuật tưới "nông, lộ, phơi" nhằm hạn chế lúa đẻ nhánh lai nhai làm giảm hiệu quả phân bón do phải nuôi các dảnh vô hiệu, đồng thời tạo điều kiện cho rễ lúa ăn sâu, cứng thân, dày lá, hạn chế đổ ngã.



Hướng dẫn nông dân các biện pháp kỹ thuật phòng trừ hiệu quả dịch hại để có mùa bội thu

4. Đây là thời kỳ quan trọng có tính quyết định năng suất của lúa vụ hè thu, vụ mùa, đề nghị các địa phương chỉ đạo quyết liệt, tăng cường công tác thông tin, truyền thông, tập huấn và cử cán bộ kỹ thuật xuống cơ sở, bám sát đồng ruộng, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, dịch hại, sinh trưởng của cây trồng hướng dẫn nông dân các biện pháp kỹ thuật phòng trừ, ngăn chặn hiệu quả dịch hại.

5. Rà soát điều chỉnh kế hoạch sản xuất gieo trồng cây vụ đông, cân đối diện tích đất lúa, đất chuyên màu để bố trí nhóm cây vụ đông ưa ấm, ưa lạnh cho phù hợp theo kế hoạch đề ra. Tập trung chỉ đạo thu hoạch nhanh, gọn diện tích trà lúa vụ hè thu, vụ mùa sớm theo phương châm "Xanh nhà hơn già đồng", thu lúa đến đâu trồng rau màu ngay đến đó, đảm bảo gieo trồng vụ đông trong khung thời vụ tốt nhất; ưu tiên mở rộng tối đa diện tích ngô, đậu tương, đặc biệt trên đất 2 lúa, tăng cường liên kết với các doanh

nh nghiệp để tổ chức sản xuất theo hướng an toàn và bao tiêu sản phẩm cho bà con nông dân.

6. Chủ động phối hợp với các viện nghiên cứu, doanh nghiệp thực hiện mô hình hoàn thiện các gói kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất một số loại cây trồng chủ lực như ngô, rau, khoai tây để phổ biến cho nông dân.

7. Xây dựng các chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy sản xuất vụ đông phát triển theo lợi thế của từng địa phương.

8. Tăng cường thanh tra, kiểm tra thị trường vật tư nông nghiệp bao gồm: Thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng cho vụ đông; phân bón và các vật tư khác, nhằm hạn chế và ngăn chặn kịp thời tình trạng lợi dụng để đưa ra thị trường vật tư nông nghiệp giả, kém chất lượng, nhái mẫu mã của các sản phẩm có uy tín làm thiệt hại cho sản xuất và nông dân.

9. Theo dõi sát diễn biến tình hình thời tiết để có biện pháp ứng phó kịp thời.

BBT (gt)

THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ VÙNG, CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Ngày 02/6/2016, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

Theo đó, các sản phẩm của vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh được xem xét cấp chứng nhận đạt Quy phạm thực hành chăn nuôi tốt Việt Nam (VietGAHP) hoặc Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP) khi có yêu cầu; được ưu tiên tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm. Bên cạnh đó, các sản phẩm của vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh được hưởng các quyền lợi theo quy định tại khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 39 và khoản 2 Điều 55 Luật Thú y. Đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn, được phép vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra khỏi vùng dịch.

Đối với vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh thủy sản, được xem xét để xuất bán động vật thủy sản thương phẩm mà không phải qua sơ chế, chế biến khi có công bố dịch tại địa phương theo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

Về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn tại cơ sở, cơ sở chăn nuôi thực hiện quy định tại Điều 14, các khoản 1, 2, 3 và 4 của Điều 15 Luật Thú y, cụ thể: Địa điểm chăn nuôi phải theo quy hoạch của địa phương hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép, bảo đảm cách biệt với khu dân cư, công trình công cộng, đường giao thông chính, nguồn gây ô nhiễm; Nước sử dụng trong chăn nuôi phải bảo đảm theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; Thực hiện các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật nuôi theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Đối với cơ sở lần đầu đăng ký cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh động vật phải đáp ứng điều kiện không có bệnh đăng ký chứng nhận an toàn trong ít nhất 12 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký.

Đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống phải thực hiện quy định tại Điều 14 và các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 15 Luật Thú y và Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT với một số nội dung cụ thể như sau: Nước dùng trong sản xuất giống thủy sản phải được xử lý bảo đảm không mang mầm bệnh và không ảnh hưởng đến sức khỏe thủy sản; Thủy sản giống nhập vào cơ sở phải có nguồn gốc từ vùng, cơ sở được chứng nhận an toàn dịch bệnh hoặc có kết quả

xét nghiệm âm tính của phòng thử nghiệm được chỉ định đối với bệnh mà cơ sở đang thực hiện giám sát; Được kiểm dịch theo đúng quy định hiện hành.

Đối với cơ sở lần đầu đăng ký cấp Giấy chứng nhận phải đáp ứng điều kiện không có động vật thủy sản mắc bệnh đăng ký chứng nhận an toàn trong ít nhất 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký.

Về trách nhiệm của các đơn vị liên quan, Cục Thú y - Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố danh sách vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh được cấp, cấp lại Giấy chứng nhận; Danh sách vùng, cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực lên trang thông tin điện tử (website) của Cục Thú y. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh, bao gồm cả lấy mẫu giám sát dịch bệnh động vật.

Chi cục Thú y các tỉnh công bố danh sách cơ sở an toàn dịch bệnh được cấp, cấp lại Giấy chứng nhận; Danh sách cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực lên website của Chi cục Thú y (nếu có) hoặc trên các phương tiện thông tin truyền thông của địa phương. Tổ chức quản lý các cơ sở an toàn dịch bệnh đã được cấp Giấy chứng nhận.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 19/7/2016.

BBT (gt)

TTKNQG: TỔ CHỨC TẬP HUẤN SẢN XUẤT CÀ PHÊ BỀN VỮNG CHO NÔNG DÂN CÁC NƯỚC ASEAN

Từ ngày 21 đến ngày 29 tháng 8 năm 2016, tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã tổ chức khóa tập huấn về sản xuất cà phê bền vững cho cán bộ khuyến nông, nông dân, đến từ các nước thành viên ASEAN gồm Myanmar, Indonesia, Brunây, Malaysia, Philippin, Lào, Campuchia và Việt Nam.



Học viên các nước ASEAN thực hành kỹ thuật ghép cà phê tại hiện trường

Khóa tập huấn về sản xuất cà phê bền vững tập trung vào phương pháp giảng dạy lý thuyết trên lớp, trao đổi thảo luận, tăng thời lượng dạy hiện trường, thực hành, tham quan, quan sát hiện trường theo FFS với ngôn ngữ sử dụng bằng tiếng Anh. Giảng viên là các chuyên gia, nhà nghiên cứu đầu ngành đến từ Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Trung tâm Khuyến nông Lâm Đồng, tổ chức tư vấn EDE. Tài liệu sử dụng trong khóa học là tài liệu ToT được biên soạn dựa trên Bộ tài liệu Hướng dẫn về sản xuất cà phê bền vững (NSC) do Việt Nam biên soạn, được các nước trồng cà phê sử dụng thông qua mạng lưới tổ chức IDH.

Các chuyên đề lý thuyết chính gồm: Tổng quan về sản xuất cà phê của các nước trong khu vực; Kinh nghiệm sản xuất cà phê bền vững ở Việt Nam; Giới thiệu một số giống cà phê hiệu quả ở Việt Nam; Kỹ thuật trồng mới, tái

canh cà phê và chăm sóc cà phê thời kỳ kiến thiết cơ bản; Sâu bệnh hại cà phê và một số biện pháp phòng trừ; Kỹ thuật nhân giống cà phê bằng phương pháp ghép; Mô hình tổ chức nông dân, Hợp tác xã trong sản xuất cà phê bền vững; Thu hoạch, chế biến và bảo quản cà phê.

Phần học hiện trường tại Vườn ươm cây, vườn cà phê thuộc thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng: Học viên được hướng dẫn thực hành ghép tại vườn ươm, ghép cải tạo cà phê, tỉa cành tạo tán, tạo hình bổ sung cho cây cà phê.

Các học viên đã đi tham quan một số mô hình tái canh cà phê tại thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà; Mô hình cà phê chè tại xã Trạm Hành, thành phố Đà Lạt; Mô hình sản xuất công nghệ cao tại thành phố Đà Lạt (mô hình thủy canh, mô hình trồng rau hoa).

Kết thúc khóa học, học viên hoàn thành tốt chương trình tập huấn, đảm bảo nội dung, sử dụng tốt bộ tài liệu về sản xuất cà phê

bền vững NSC, thành thạo các quy trình kỹ thuật, thao tác ghép cho cà phê, tỉa cành tạo tán cho cây cà phê. Tiếp cận với quy trình sản xuất cà phê bền vững, từ khâu giống: Quản lý giống, nhân giống, cải tạo giống tạo ra các giống có ưu thế, năng suất cao như TR 4, TR9, TR11... của Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên, đến chăm sóc, cải tạo và thu hoạch sản phẩm để đạt năng suất từ 9 - 11 tấn/ha. Nắm được vai trò của hệ thống khuyến nông đối với sản xuất cà phê bền vững trong việc khuyến khích nông dân áp dụng các giống mới, tiến bộ kỹ thuật bằng xây dựng các mô hình trình diễn, tập huấn đào tạo và thông tin tuyên truyền.

Qua khóa học, học viên các nước đã nắm được nhiều thông tin bổ ích về phát triển sản xuất cà phê tại Việt Nam, đồng thời mong muốn được tiếp tục tham gia các lớp chuyên đề về cây hồ tiêu để sớm áp dụng vào thực tế sản xuất tại nước mình.

ĐINH HẢI ĐĂNG

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

Thông tin
KHUYẾN NÔNG
VIỆT NAM

XÂY DỰNG VÙNG THỰC PHẨM HỮU CƠ BA VÌ TRONG HỆ THỐNG NÔNG NGHIỆP TIÊN TIẾN

1. Ba nhu cầu hàng đầu

Hiện nay hệ thống nông nghiệp nước ta được tổ chức quốc tế OECD đánh giá là “phụ dưỡng” “thoái tiến bộ” với việc lạm dụng thuốc trừ sâu, bệnh, trừ cỏ; kháng sinh, hoóc môn sinh trưởng, phân hóa học, ô nhiễm đô thị, ô nhiễm công nghiệp và làng nghề nông thôn... đồng thời là hệ thống kém hiệu quả, hệ số sử dụng tài nguyên lớn, giá thương mại thấp. Sức chịu tải của môi trường ở hai đồng bằng lớn đã đến mức báo động. Nhân dân bất an về an toàn thực phẩm (ATTP) và ATTP đã trở thành vấn đề lớn nhất của nước ta.

Hiện nay nhu cầu thị trường thương mại rau quả thế giới khoảng 100 tỷ USD/năm, nhưng nếu là chất lượng cao, có thương hiệu thì giá trị thương mại này còn cao hơn gấp nhiều lần (năm 2015 nước ta đã xuất khẩu đột phá mặt hàng này khoảng 2 tỷ USD, chiếm 2% thị phần thế giới). Ở trong nước đặc biệt là thủ đô Hà Nội (10 triệu dân) và các đô thị (sẽ chiếm 50% dân số) thì nhu cầu phân khúc thị dân trung lưu, thượng lưu (sẽ chiếm 10 - 20% dân số) với các thực phẩm nông sản chất lượng cao ngày càng tăng (định lượng khoảng 100 kg rau, 100 kg quả, 100 quả trứng, 100 lít sữa, 100 kg thịt, 100 kg gạo chất lượng cao/người/năm).

Quy luật phát triển bền vững là trở lại chu trình thuận với tự nhiên, kinh tế, xã hội không gây



Cần xây dựng các dự án khuyến nông về vùng thực phẩm hữu cơ

ra ô nhiễm (đất, nước, không khí, sinh học...).

Như vậy, ba yêu cầu: Sức khỏe, thị trường, môi trường đã trở nên cấp bách với cuộc sống.

2. Xây dựng mô hình phát triển

Hiện nay ngành nông nghiệp có hai thách thức lớn: Chất lượng nông sản thực phẩm với giá cạnh tranh và phát triển bền vững. Vì vậy ngành nông nghiệp cần hai điều kiện để phát triển: Hội nhập (cần) và “tái cấu trúc” lại ngành (đủ). Tái cấu trúc được coi như là “Đổi mới” lần hai.

“Tái cấu trúc” cần xác định cốt lõi là giảm bớt sản xuất lúa chuyển sang các cây con khác có giá trị và giá trị gia tăng cao hơn khi chúng ta về cơ bản đã đảm bảo được an ninh lương thực. “Tái cấu trúc” cần coi việc sản xuất ra thực phẩm an toàn là mục đích cuối cùng của ngành công nghiệp - nông nghiệp.

* Vùng Ba Vì đã có một số điều kiện thực tiễn:

- Có thương hiệu: Chè Ba Vì, sữa Ba Vì, rau muống tiến vua Phúc Thọ, khoai lang Đồng Thái, dưa suối Hai, sữa dê Ba Vì, bưởi Diễn...

- Địa bàn thuận lợi gần Trung tâm Hà Nội và các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc... với định hướng phát triển nông sản hàng hóa chất lượng cao: Thịt, trứng, sữa, rau, hoa, quả, gạo đặc sản, chất lượng cao...

- Nông nghiệp Hà Nội về cơ bản đã dần diễn đổi thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Có Liên minh nhà sản xuất hữu cơ Ba Vì, hợp tác xã thuốc nam, trang trại đồng quê, hợp tác xã chăn nuôi Cổ Đông, Công ty Hòa Lạc, Trung tâm nghiên cứu Đà điểu, Trung tâm nghiên cứu Dê thỏ...

- Có nhà máy chế biến rau quả Sơn Tây, nhà máy dứa, nhà máy sữa, nhà máy chè...

- Hà Nội đã có hàng trăm siêu thị, Trung tâm thương mại, chợ đầu mối...

- Hà Nội là trung tâm tam giác phát triển đồng bằng sông Hồng và “Hai hành lang Một vành đai”.

* Các điều kiện khoa học công nghệ:

- Vùng Ba Vì có nhiều Trung tâm Giống và Khoa học công nghệ của Bộ Nông nghiệp và PTNT như: Bò, gà, dê, thỏ, đà điểu, ngô, đậu tương, lúa, cà phê...

- Bộ Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng một số tiêu chuẩn GAP (Good Agricultural Practice - thực hành nông nghiệp tốt): 8 quy trình chăn nuôi (dê, ong, bò sữa, bò thịt...); 5 quy trình VietGAP (rau, chè, quả, cà phê, lúa gạo).

- Lực lượng dịch vụ khoa học công nghệ tập trung đứng hàng đầu cả nước.

- Nông dân vùng Hà Nội có trình độ học vấn khá, hạ tầng nông thôn xếp hạng hàng đầu. Các điều kiện này đảm bảo cho việc đổi mới công nghệ thành công.

3. Kiến nghị và cách làm

a. Bộ Nông nghiệp và PTNT cùng liên kết với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội xây dựng vùng mô hình điểm thực phẩm hữu cơ, có chủ trương, nghị quyết, quyết định cơ chế chính sách lôi kéo doanh nghiệp (chính sách chuỗi hữu cơ, chính sách khởi nghiệp hữu cơ) phân công tổ chức thực hiện, sơ tổng kết nhân rộng mô hình trước mắt ở vùng Ba Vì, sau đó ra toàn bộ vùng ngoại thành lân cận đủ điều kiện. Phân công một đơn vị của Bộ và Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội là nhạc trưởng quản lý chủ trì xây dựng mô hình điểm.

Mô hình an toàn thực phẩm này dựa trên sự liên kết chuỗi của doanh nghiệp (thương mại, chế biến) với cộng đồng (hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ nông dân) và tổ chức, cá nhân khoa học công nghệ.

Mô hình này cần tháo gỡ 3 “nút thắt” hiện nay là khâu tiêu thụ, khâu vùng sản xuất lớn và xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ.

Cần xây dựng các dự án khuyến nông, dự án xúc tiến thương mại về vùng thực phẩm hữu cơ cho mô hình.

b. Coi các doanh nghiệp là lực lượng chủ lực, là nhạc công trong việc lựa chọn xây dựng các tuyến, kênh sản phẩm vệ sinh an toàn thực phẩm “từ đồng ruộng đến bàn ăn” thuê đất, xây dựng cánh đồng (an toàn, hữu cơ); Liên kết, ký kết, cam kết với hợp tác xã tổ hợp tác, nông trại, hộ nông dân tiêu thụ sản phẩm với giá cạnh tranh. Doanh nghiệp tổ chức mạng lưới thương lái, chủ vừa cùng “bắt tay” với nông dân. Ủy ban nhân dân các cấp là trọng tài, giám sát.

c. Các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, dịch vụ khoa học công nghệ tham gia vào các tuyến, các kênh sản phẩm trên đây bằng sản phẩm khoa học công nghệ phù hợp: các dự án, chương trình, đề tài...

d. Mô hình nên đặt ra hai mức: Sản phẩm hữu cơ và sản phẩm an toàn; Mô hình nên làm chắc một số sản phẩm qua thăm dò thị trường; Có lộ trình mở rộng dần mức độ thị phần từ thấp đến cao: từ an toàn đến hữu cơ.

- Có thể chọn một số sản phẩm hữu cơ như: Thuốc nam, măng, nấm, mật ong, chè, rau

gia vị, khoai lang, rau muống, bưởi Diễn, thanh long, quả...

- Có thể chọn một số sản phẩm an toàn như: Cá, trứng, gà ri lai, đà điểu, thịt bò BBB, thịt lợn rừng, dưa, rau, quả, sữa bò, sữa dê, gạo, chè...

d. Việc chứng nhận tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm nên theo hai kênh:

+ Kênh khoa học công nghệ: Căn cứ vào tiêu chuẩn đã có và đề nghị các Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Y tế, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện theo cam kết hội nhập và trong nước (hữu cơ, an toàn).

+ Kênh thị trường: Không nên quá cứng nhắc theo GAP 24/64 chỉ tiêu mà nên theo thị trường (trong, ngoài nước), gọi là Tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, ví dụ: Vải thiếu vào Mỹ hiện nay chỉ cần qua chiếu xạ, vào Nhật Bản cần qua xử lý hơi nước nóng, vào Úc không có một loại hóa chất, vào Trung Quốc chỉ cần màu đẹp, quả to...

e. Ngành nông nghiệp nên trở lại phổ cập IPM (Quản lý dịch hại tổng hợp) bởi vì yếu tố quan trọng nhất lại yếu kém là quản lý (Quản lý thuốc, hóa chất; quản lý phòng trừ dịch bệnh; quản lý dịch bệnh; Quản lý đối tượng sinh học...).

f. Vùng Ba Vì là vùng phát triển du lịch với các sản phẩm: Du lịch sinh thái, tín ngưỡng, văn hóa, nghỉ dưỡng... Nếu mô hình này thành công sẽ hình thành du lịch canh nông, phát triển công nghiệp thực phẩm, ẩm thực an toàn.

TS. LÊ HÙNG QUỐC

*Nguyên Cục trưởng Cục Khuyến nông,
Bộ Nông nghiệp và PTNT*

DIỄN ĐÀN KHUYẾN NÔNG @ NÔNG NGHIỆP:*** “GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ VƯỜN
THEO HƯỚNG BỀN VỮNG THÍCH ỨNG
VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG”**

Ngày 09 tháng 9 năm 2016, đúng dịp TP. Huế tổ chức Lễ hội Thanh Trà - loại trái cây đặc sản được phát triển từ kinh tế vườn kết hợp du lịch sinh thái của miền đất Cố đô, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thừa Thiên Huế tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp, chủ đề “Giải pháp phát triển kinh tế vườn theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng duyên hải miền Trung”. Diễn đàn thu hút hàng trăm đại biểu tham dự, trong đó có nhiều chuyên gia từ các cục, viện, trường chuyên ngành, Hội Làm vườn Việt Nam và đông đảo nông dân tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế.

Tại Diễn đàn, qua những báo cáo tham luận, ý kiến trao đổi của các chuyên gia tư vấn và người sản xuất, các đại biểu đã thu nhận được nhiều thông tin về tình hình phát triển kinh tế vườn hiện nay, những khó khăn và cả các giải pháp để phát triển kinh tế vườn bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tại nhiều địa phương, kinh tế vườn đã ngày càng phát triển mạnh và hình thành nhiều mô hình đa dạng trong nông thôn và theo nhiều hướng như vườn cây ăn quả, mô hình vườn ao chuồng, vườn ao chuồng rừng,



Toàn cảnh Diễn đàn

vườn - ao - chuồng - biogas, vườn du lịch sinh thái, vườn hữu cơ... đã mang lại nguồn thu nhập đáng kể, chiếm 50 - 60% thu nhập/năm của nông hộ. Kinh tế vườn đã tạo nên một tập đoàn cây và con hết sức đa dạng và phong phú, trong đó nhiều loại nông đặc sản có giá trị kinh tế cao, nổi tiếng được người tiêu dùng ưa chuộng như cam Xã Đoài (Nghệ An), cam Bù, bưởi Phúc Trạch (Hà Tĩnh), bưởi Thanh Trà (Huế)... Ở một số tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi... khó phát triển cây trồng, nông dân cũng xây dựng mô hình thủy sản trên vùng cát trắng cho thu nhập từ 50 đến hàng trăm triệu đồng.

Tuy nhiên, phát triển kinh tế vườn vẫn còn nhiều khó khăn do chưa nhận thức đúng và phát huy tiềm năng, lợi thế của kinh tế vườn; Tính tự phát cao, bố trí cây trồng

trong vườn chưa hợp lý; Thiếu liên kết, hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; Quy mô sản xuất nhỏ lẻ, chưa thực hiện được quy hoạch phát triển cho từng địa phương kết hợp phát triển trong và ngoài vùng; Công nghệ chế biến chưa gắn với vùng nguyên liệu, thiếu thiết bị lọc hậu, chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng nhu cầu thị trường; Chưa có đủ sức cạnh tranh; Nguồn nhân lực làm kinh tế vườn còn thiếu kiến thức chuyên môn, thiếu kinh nghiệm và trình độ kỹ thuật thâm canh. Đặc biệt những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn diễn biến bất thường và kéo dài khiến hàng chục ngàn héct a diện tích cây trồng cùng hàng ngàn con gia súc, gia cầm tại các tỉnh duyên hải miền Trung bị chết, gây thiệt hại lên đến hàng nghìn tỷ đồng cho người nông dân.

Tại Diễn đàn, bà con nông dân và các đại biểu đã được các chuyên gia chia sẻ nhiều thông tin bổ ích như biện pháp để phát triển nhà vườn kết hợp du lịch, kỹ thuật sản xuất cây ăn quả theo VietGAP trong vườn từ khâu trồng, bón phân, tưới nước, bao trái, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đến những biện pháp phòng trị bệnh ở một số cây trồng phổ biến trong vườn như bưởi, cam, quýt, ổi... Một số nội dung khác cũng được nhiều đại biểu quan tâm như bệnh trên cây hồ tiêu, bệnh trên cây thanh long, kỹ thuật sản xuất rau hữu cơ, sản xuất rau theo VietGAP và đặc biệt là giải pháp để ổn định giá nông sản, tránh mất thương hiệu sản phẩm.

Đưa ra giải pháp để phát triển kinh tế vườn bền vững, GS.TS Ngô Thế Dân - Chủ tịch Hội Làm vườn Việt Nam cho biết: Phải đặt kinh tế vườn trong tổng thể cả hệ sinh thái VAC; Tiếp tục cải tạo vườn tạp, như kinh nghiệm ở Sơn La mỗi địa phương chọn 2 - 3 loại cây phù hợp, có hiệu quả, thực hiện ghép cải tạo; Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật cần thiết để đạt năng suất cao, chất lượng tốt bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm như kinh nghiệm làm vườn mẫu ở Hà Tĩnh có quy hoạch bố trí sắp xếp lại vị trí các khu vườn, ao, chuồng mang lại thu nhập 360 triệu đồng/vườn/năm; Thành lập câu lạc bộ hoặc hợp tác xã VAC theo luật Hợp tác xã kiểu mới; Người làm kinh tế vườn phải có kiến thức công nghệ thông tin, biết truy cập internet để quảng bá sản phẩm, tìm thị trường, nắm bắt thông tin kỹ thuật mới và có khả năng tổ chức du lịch sinh thái ngay trên vườn nhà mình.

Thống nhất với ý kiến trên, ông Cái Văn Thám - Chi cục trưởng



*Các đại biểu trao đổi với ông Hồ Xuân Đài (người thứ 3 từ phải sang)
Chủ mô hình vườn cây ăn quả bốn mùa tại Thừa Thiên Huế*

Chi cục BTVT Thừa Thiên Huế đưa thêm giải pháp, đó là vấn đề kỹ thuật canh tác phải phù hợp với đặc điểm từng địa phương, nắm bắt tình hình thời tiết, dịch bệnh để đưa ra lịch thời vụ gieo trồng, chăm sóc, áp dụng đồng bộ công tác giống cây trồng, tuyển chọn cây đầu dòng, thu thập các giống mới để trồng cho phù hợp; Áp dụng chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và sản xuất theo hướng nông nghiệp bền vững (VietGAP) nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

TS. Trần Văn Khởi - Quyền Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia khẳng định: Kinh tế vườn trong nông hộ là một bộ phận cấu thành hữu cơ của nền kinh tế nông nghiệp, có vai trò quan trọng trong việc sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường, phát triển nông nghiệp sinh thái, góp phần xóa đói giảm nghèo cho nông dân. Để phát triển kinh tế vườn thích ứng với biến đổi khí hậu phải tùy vào thể mạnh từng vùng mà lựa chọn quy mô, đối tượng cây con, hình thức thực hiện cho phù hợp để đạt hiệu quả kinh tế cao.

Để thực hiện được những việc đó, TS. Trần Văn Khởi đề xuất các cơ quan đơn vị:

- Sở Nông nghiệp và PTNT có chiến lược, chính sách cụ thể để phát triển kinh tế vườn.

- Trung tâm khuyến nông các tỉnh cần đề xuất xây dựng mô hình kinh tế vườn gắn với xã nông thôn mới, tổ chức tập huấn cho nông dân nhằm nâng cao năng lực sản xuất cây - con trong vườn quy mô nông hộ.

- Hội Làm vườn Việt Nam, Cục Trồng trọt, Cục Kinh tế hợp tác và PTNT phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổ chức nhiều sự kiện hơn nữa với quy mô toàn diện trên cả nước, đa dạng hóa hình thức tổ chức để dẫn dắt cao nhận thức cho người dân trong phát triển sản xuất và quảng bá sản phẩm nông nghiệp.

Hiện nay, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm vườn có xu hướng ngày càng tăng cao, nhưng yêu cầu chất lượng sản phẩm ngày càng chặt chẽ và nghiêm ngặt, nếu mọi người tích cực thay đổi tư duy làm kinh tế vườn, chắc chắn kinh tế vườn sẽ làm thay đổi cuộc sống của người nông dân trở nên giàu có và hạnh phúc hơn.

THU HẰNG

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

* “THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NUÔI CÁ LỒNG BỀN VỮNG TRÊN SÔNG, HỒ VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI PHÍA BẮC”

Ngày 23/9/2016, tại quê hương truyền thống cách mạng Tuyên Quang, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @Nông nghiệp chuyên đề “Thực trạng và giải pháp phát triển nuôi cá lồng bền vững trên sông, hồ vùng Trung du miền núi phía Bắc”. Diễn đàn thu hút hàng trăm đại biểu tham dự, đặc biệt là đông đảo bà con nông dân nuôi cá lồng, bè tại các tỉnh trong vùng (Hòa Bình, Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, Hà Giang, Bắc Giang, Tuyên Quang).

Theo Tổng cục Thủy sản, khu vực Trung du miền núi phía Bắc có tiềm năng phát triển nuôi cá trên sông, hồ chứa, hồ thủy điện rất lớn. Tuy nhiên, nghề nuôi cá ở các địa phương vẫn phát triển chậm, chưa tận dụng và phát huy hết tiềm năng của vùng. Số lượng lồng bè và sản lượng nuôi tăng dần qua các năm nhưng sản phẩm nuôi vẫn chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa, chưa tạo thành sản phẩm hàng hóa tập trung phục vụ chế biến và xuất khẩu.

Ông Kim Văn Tiêu, PGĐ. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đánh giá: Nuôi cá lồng bè trong sông suối và hồ chứa có ưu thế nước sạch, hàm lượng ôxy cao nên cá lớn nhanh, chất lượng thịt thơm ngon, rất dễ chăm sóc, quản lý và thu hoạch, cho hiệu quả kinh tế cao gấp hàng chục lần so với



Ban cố vấn trực tiếp trả lời câu hỏi của các đại biểu tại Diễn đàn

nuôi cá ở ao hồ tự nhiên. Từ lợi ích đó cần đánh thức tiềm năng nuôi cá lồng bè trên hồ chứa tại các tỉnh miền núi phía Bắc, đồng thời giúp bà con nâng cao nhận thức về vai trò của các hồ chứa trong đời sống sinh hoạt cũng như trong phát triển kinh tế, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ an ninh biên giới và tạo chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, nuôi cá lồng, bè chưa chủ động được nguồn giống, quy mô còn nhỏ lẻ, manh mún dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng nuôi theo VietGAP; Sản phẩm cá chưa xây dựng được thương hiệu, chưa có sự liên kết trong sản xuất.

Bên cạnh đó, quy mô nuôi cá lồng bè chưa được đầu tư tương xứng, việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào nuôi thâm canh năng suất cao chưa phát huy hết tiềm năng. Vấn đề bảo vệ môi trường nuôi theo mô hình quản lý cộng đồng và an toàn thực phẩm chưa được chú trọng. Đồng thời, cán bộ quản lý, kỹ thuật nuôi trồng

thủy sản tại địa phương thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Trình độ kỹ thuật và tập quán sản xuất của đồng bào các dân tộc và nông dân còn nhiều hạn chế; Nguồn vốn của người dân đầu tư cho phát triển thủy sản còn nhiều khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa.

TS. Lê Thanh Lựu, nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 1, Trưởng ban Hợp tác quốc tế và Thông tin, Hội Nghề cá Việt Nam lại cho rằng: Thách thức lớn nhất trong việc nuôi cá lồng, bè là quản lý dịch bệnh. Nguyên nhân có thể do con giống bị nhiễm trước khi thả, hoặc biến đổi môi trường đặc biệt khi mưa, mùn bã hữu cơ dồn xuống, gây ra ô nhiễm cục bộ và các bào tử nấm, hoặc các mầm ký sinh trùng, vi khuẩn... Để giảm rủi ro dịch bệnh cần lắp đặt lồng theo quy định các cụm lồng đặt cách nhau 500 m. Định kỳ 2 - 3 tháng chuyển lồng đến địa điểm mới cách địa điểm cũ 100 - 200 m.



Toàn cảnh Diễn đàn

Trao đổi tại Diễn đàn, nhiều bà con nông dân quan tâm mong muốn được các chuyên gia chia sẻ cách phòng và trị bệnh cho cá nuôi lồng. Về vấn đề này, TS. Bùi Quang Tề đã hướng dẫn cụ thể chi tiết như: Bệnh xuất huyết, viêm ruột, rận cá trên cá trắm cỏ, cá rô phi, cá diêu hồng, cá bống; bệnh nấm trên cá chiền; bệnh gan thận mũ trên cá lăng đen... Chuyên gia khuyến cáo bà con: Không sử dụng thuốc kháng sinh để phòng bệnh; Không dùng thuốc kháng sinh quá 7 ngày; Một số bệnh cá do vi rút gây nên thì không dùng thuốc kháng sinh để chữa trị (chỉ dùng thuốc thảo dược).

Về các vấn đề con giống, kỹ thuật nuôi theo VietGAP, thị trường tiêu thụ, liên kết sản xuất, hỗ trợ lãi suất vay vốn để đầu tư cũng được nhiều đại biểu tập trung thảo luận và đưa ra những giải pháp thiết thực. Cụ thể: Các tỉnh chưa có qui hoạch cần nhanh chóng hoàn thành quy hoạch phát triển nuôi thủy sản đến năm 2020; Tăng cường công tác quản lý chất lượng cá giống, đặc biệt công tác kiểm dịch cá giống nhập tỉnh; Từng bước khai thác hợp lý và đưa vào nuôi các loài thủy sản có

giá trị kinh tế cao như cá lăng, cá chiền, cá nheo, cá tầm; Phát triển nuôi trồng thủy sản gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, môi trường sinh thái bền vững, phát triển nguồn lợi thủy sản tự nhiên, tạo sinh kế cho đồng bào sinh sống bằng nghề khai thác thủy sản nội địa; Tăng cường đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật; Xây dựng các mô hình tổ chức sản xuất theo hình thức hợp tác, hợp tác xã, các câu lạc bộ, các chi hội nuôi thủy sản...

Để phát triển nuôi cá lồng bè bền vững trên sông, hồ vùng Trung du miền núi phía Bắc, PGĐ. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia Kim Văn Tiêu đề nghị các cơ quan, đơn vị cần thực hiện một số việc sau:

Tổng cục Thủy sản chỉ đạo các địa phương xây dựng quy hoạch vùng nuôi cá lồng bè sát với nhu cầu thực tiễn; Xây dựng cơ chế hỗ trợ cho nông dân, đặc biệt là những hộ bị thu hồi diện tích làm hồ thủy điện để họ yên tâm sản xuất; Tăng cường năng lực cho các trung tâm sản xuất giống, quản lý tốt chất lượng con giống, thức ăn, quan trắc môi trường; Tiếp tục nghiên cứu để tạo ra những giống mới chất lượng, năng suất cao, sức đề kháng tốt, nhanh

lớn, kháng bệnh; Đầu tư kinh phí xây dựng mô hình nuôi cá lồng, bè cho các tỉnh miền núi hơn nữa.

Chi cục thủy sản các tỉnh cần quản lý tốt quy hoạch nuôi, đề xuất những cơ chế, chính sách phù hợp để phát triển nuôi cá lồng tại địa phương; Xây dựng các tổ hợp tác, hợp tác xã, mô hình nuôi theo chuỗi giá trị, cần phải xây dựng đăng ký thương hiệu sản phẩm để đảm bảo lợi ích và hiệu quả của người nuôi.

Trung tâm khuyến nông các tỉnh đề xuất địa phương xây dựng dự án nuôi cá lồng, bè ở những vùng có tiềm năng chưa được đánh thức; Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền sao cho 1 người làm sẽ có 100 người biết và áp dụng; Tăng cường năng lực thông qua đào tạo tập huấn theo mục tiêu 4 dễ (dễ học, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm theo).

Cùng với việc giải quyết tốt các vấn đề trên, với sự tâm huyết, nỗ lực và kinh nghiệm thực tế của người nông dân, chắc chắn nuôi cá lồng trên sông, hồ vùng Trung du miền núi phía Bắc sẽ phát triển hiệu quả, ổn định và bền vững.

NGUYỄN THU HẰNG

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

MỘT SỐ KẾT QUẢ

TỪ LỚP TẬP HUẤN IPM TRÊN CÂY LÚA

Được sự hỗ trợ kinh phí của Ngân hàng châu Á (ADB), thông qua hoạt động của Dự án hỗ trợ kỹ thuật Vùng “Thực hiện Chương trình hỗ trợ nông nghiệp then chốt tiểu vùng sông Mê Kông” TA8163, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia được Bộ Nông nghiệp và PTNT giao thực hiện lớp tập huấn “Quản lý dịch hại tổng hợp trong sản xuất lúa gạo cho cán bộ khuyến nông và nông dân chủ chốt huyện Thanh Trì, Hà Nội”. Lớp tập huấn nhằm trang bị cho học viên kiến thức về hệ sinh thái nông nghiệp, côn trùng gây hại lúa, dịch bệnh và các biện pháp phòng trừ dịch bệnh hiệu quả, canh tác lúa theo phương pháp tiên tiến, xây dựng lực lượng nòng cốt để hỗ trợ bà con nông dân trong vùng.

Tìm hiểu tập quán canh tác lúa của người dân địa phương

Trước khi bố trí thí nghiệm đồng ruộng, giảng viên và học viên đã cùng trao đổi về tình hình sản xuất lúa thực tế của địa phương, qua đó chỉ ra cho người dân thấy được những thói quen cũ, lạc hậu như cấy dày, bón phân không cân đối, không đúng thời điểm, phun thuốc trừ cỏ cùng thuốc trừ sâu bệnh, phun không đúng thời điểm và phun quá liều lượng... là một trong những nguyên nhân gây bùng phát các loại sâu bệnh hại.



Học viên trình bày tại buổi thảo luận nhóm

Học tập ngay trên đồng ruộng

Với phương châm học đi đôi với hành, lớp học đã sử dụng ruộng lúa của hộ nông dân xã Hữu Hòa với diện tích 1.800m² để học viên rèn kỹ năng điều tra phân tích hệ sinh thái ruộng lúa, quan sát sự sinh trưởng phát triển của cây lúa, điều tra sâu bệnh hại, thiên địch.

Với thời gian học 14 ngày trải dài trong suốt mùa vụ sinh trưởng phát triển của cây lúa, các buổi học đều được bố trí theo đúng kỳ sinh trưởng phát triển của cây lúa, sự xuất hiện của sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Trước mỗi buổi học, giảng viên và học viên cùng quan sát và thu thập mẫu sâu bệnh hại trên ruộng thí nghiệm, sau đó học viên về lớp cùng thảo luận theo nhóm sâu bệnh hại, thiên địch và vẽ bức tranh hệ sinh thái ruộng lúa, sau

đó đại diện từng nhóm sẽ trình bày về các yếu tố ảnh hưởng đến cây lúa, phân tích tình trạng cây lúa ở từng thời điểm hiện tại và đưa ra các biện pháp quản lý hiệu quả. Qua đó, học viên vừa nâng cao kiến thức chuyên môn vừa được rèn luyện kỹ năng báo cáo, thuyết trình.

Kết quả từ lớp học

Kết quả thí nghiệm chỉ ra rằng, năng suất lúa cao nhất ở công thức lúa cấy với khoảng cách 25 x 25 cm (mật độ cấy 17 khóm/m²): năng suất đạt 53,52 tạ/ha, cao hơn 1,42 tạ/ha so với cấy truyền thống, hiệu quả kinh tế tăng 1,06 triệu đồng/ha. Công thức cấy 1 dành cho năng suất cao nhất đạt 66,67 tạ/ha, cao hơn 3,34 tạ/ha so với truyền thống, hiệu quả kinh tế cao hơn 2,05 triệu/ha. Lượng phân đạm cao nhất ở công thức bón 3 kg/ sào, hơn so

với truyền thống của người dân không bón đạm là 5,05 tạ/ha), hiệu quả kinh tế cao hơn 3,79 triệu đồng. Ở công thức bón phân ka li, năng suất lúa đạt cao nhất ở công thức bón 7 kg/sào, tuy nhiên sự chênh lệch về năng suất so với canh tác truyền thống của người dân không nhiều.

Cũng do cấy thưa và bón phân cây đối nên cây lúa sinh trưởng, phát triển tốt, các loại sâu bệnh như cuốn lá, khô vằn, rầy các loại rất nhẹ, cả vụ chỉ phun 1 lần thuốc trừ bệnh lem lép hạt, bình quân giảm 3 - 4 lần phun thuốc/vụ qua đó giảm chi phí thuốc bảo vệ thực vật 400.000 - 500.000 đồng/ha, giảm chi phí về giống 60 kg/ha, giảm công lao động (công phun thuốc, làm mạ, cấy...), giảm 2 - 3 lần bơm nước/vụ.

Từ kết quả của thí nghiệm cho thấy việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới SRI trong canh tác lúa hoàn toàn phù hợp và hiệu quả ở xã Hữu Hòa, với mật độ cấy 25 x 25 cm, cấy mạ non (2 - 2,5 lá), cấy 1 dảnh và lượng phân đạm nên bón là 3 kg/sào; lượng phân kali là 7 kg/sào sẽ cho năng suất và hiệu quả cao nhất.

Ngoài học lý thuyết và thực hành trên đồng ruộng, các học viên có dịp đi tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm về canh tác lúa theo công nghệ tiên tiến, quản lý phòng trừ dịch hại tổng hợp tại huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Qua lớp tập huấn đã giúp học viên nâng cao kiến thức trong việc nhận biết, phát hiện sâu bệnh và có biện pháp phòng trừ dịch hại trên cây lúa kịp thời; Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật



Học viên tham gia thực hành cấy lúa theo công thức thí nghiệm trên đồng ruộng

an toàn, hiệu quả, không ảnh hưởng đến môi trường, đồng thời nâng cao nhận thức cho học viên về việc giảm sử dụng hóa chất và phân bón, nâng cao nhận thức về lợi ích của việc áp dụng IPM trên cây lúa. Đồng thời, tăng cường kỹ năng cho học viên trong giảng dạy, huấn luyện và chuyển giao kiến thức cho nông dân.

Kết quả kiểm tra cuối khóa, có 82,6% học viên đạt loại khá, 17,4% đạt loại giỏi. Sau khóa học các học viên sẽ trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật canh tác lúa cải tiến theo SRI cho bà con nông dân khác, giúp họ nâng cao trình độ canh tác, kiểm soát được dịch bệnh, hạn chế sâu bệnh và hạn chế việc phải sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, tạo ra sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường và tăng lợi nhuận cho nông dân.

Mong muốn được nhân rộng mô hình

Ông Lê Đình Hòa - người đã gắn bó với lớp và trực tiếp tham gia các thực nghiệm trên đồng

ruộng cho biết: “Mặc dù tham dự nhiều lớp tập huấn, qua lớp học này đã giúp tôi hiểu rõ hơn về cách sử dụng phân bón, thời điểm bón phân hợp lý và sử dụng thuốc trừ sâu đúng kỹ thuật, đặc biệt là thấy được hiệu quả của việc áp dụng các kỹ thuật canh tác tiên tiến để giảm chi phí đầu vào, tăng hiệu quả sản xuất và giảm ô nhiễm môi trường”.

Chính quyền địa phương và các học viên cũng mong muốn Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tiếp tục mở những lớp tập huấn quản lý dịch hại (IPM) trên những cây trồng, đặc biệt các lớp tập huấn trên cây rau để người dân có cơ hội tham gia học tập, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ hiểu biết để từ đó áp dụng cho sản xuất của gia đình, cộng đồng góp phần vào sự nghiệp sản xuất nông nghiệp xanh, sạch, bền vững và hiệu quả.

THANH HUYỀN

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

HIỆU QUẢ TỪ DỰ ÁN “XÂY DỰNG MÔ HÌNH NUÔI TÔM SÚ, TÔM CHÂN TRẮNG THEO VIETGAP”

Trong khuôn khổ Chương trình Khuyến nông 2014 - 2016, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt thực hiện Dự án Xây dựng mô hình nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng theo VietGAP. Sau 3 năm triển khai, Dự án không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế cho rất nhiều hộ dân mà trên hết là hiệu quả về môi trường và xã hội, giúp thúc đẩy ngành tôm phát triển theo hướng bền vững...

Dự án được triển khai trong bối cảnh nghề nuôi tôm nước lợ ở nước ta tiềm ẩn nhiều nguy cơ về mất an toàn vệ sinh thực phẩm, dịch bệnh trong tôm nuôi xuất hiện ngày càng nhiều do sử dụng quá nhiều loại hóa chất một cách không cần thiết, môi trường nuôi bị ô nhiễm nghiêm trọng... Trong 3 năm triển khai Dự án, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia đã phối hợp các đơn vị xây dựng 30 mô hình nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng theo quy

phạm VietGAP với quy mô 3 ha/mô hình (đối với nuôi tôm sú); 2 ha/mô hình (đối với tôm thẻ chân trắng) tại 15 tỉnh ven biển cả nước gồm Quảng Ninh, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Long An, Tiền Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang và Trà Vinh.

Các hộ dân tham gia mô hình đã thực hiện nghiêm túc Quy trình nuôi tôm an toàn trong vùng dịch bệnh được Tổng Cục thủy sản xây dựng và khuyến cáo. Mật độ tôm thả nuôi không quá cao 80 con/m² với tôm thẻ chân trắng, 20 con/m² đối với tôm sú. Các quy phạm VietGAP được áp dụng như: Các mô hình đều nằm trong quy hoạch của các địa phương có nhà kho chứa thức ăn, thuốc và hóa chất; Con giống được kiểm dịch; Việc di chuyển con giống và xuất sản phẩm được ghi chép trong nhật ký, truy xuất được nguồn gốc; Chất thải phát sinh trong quá trình sản

xuất được xử lý theo hướng dẫn; Các hộ nuôi đã làm các biển báo, quản lý và ghi chép hồ sơ quá trình nuôi theo đúng hướng dẫn.

Nhờ áp dụng nghiêm ngặt các quy phạm VietGap, các mô hình nuôi tôm thuộc dự án hầu như không có dịch bệnh xảy ra. Kết quả, mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng theo VietGAP đạt năng suất trung bình > 12 tấn/ha, tỷ lệ sống trên 80%, cỡ thu hoạch khoảng 40 - 60 con/kg. Mô hình nuôi tôm sú theo VietGAP đạt năng suất trên 2 tấn/ha (tại Bạc Liêu), tỷ lệ sống trên 70%, cỡ thu hoạch từ 30 - 40 con/kg. Tất cả các hộ dân tham gia mô hình được đào tạo về kỹ thuật nuôi tôm theo VietGAP và thường xuyên được cán bộ kỹ thuật hướng dẫn trong suốt quá trình triển khai mô hình. Ngoài ra, dự án còn tổ chức tập huấn kỹ thuật cho gần 1.000 học viên không trực tiếp tham gia xây dựng mô hình và tổ chức cho bà con tham quan, thực hành tại mô hình



Mô hình nuôi tôm áp dụng VietGAP giúp tiết kiệm chi phí, hạn chế dịch bệnh

nuôi tôm VietGAP được xây dựng thành công tại các địa phương. Từ đây, các hộ dân có thể tự áp dụng kiến thức nuôi tôm VietGAP vào mô hình của gia đình.

Để nhân rộng mô hình, thời gian qua, dự án đã tổ chức 60 cuộc hội thảo, tổng kết dự án cho trên 3.000 người tham dự. Tổ chức một cuộc hội thảo cấp vùng cho các tỉnh ven biển từ Quảng Ninh đến Thừa Thiên Huế với 100 đại biểu tham dự. Hiệu quả và thành công của các mô hình nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng theo VietGAP thuộc dự án đã được nhiều báo, đài địa phương và Trung ương đưa tin, được bà con ở nhiều nơi tin tưởng học tập và làm theo. Có thể nói, các mô

hình nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng theo VietGAP thuộc dự án đã mang lại hiệu quả thiết thực cả về kinh tế, xã hội và môi trường.

Về kinh tế: Các hộ tham gia mô hình thu lãi từ 500 - 750 triệu đồng/ha với năng suất trung bình đạt 11 - 12 tấn/ha. Mô hình nuôi tôm áp dụng VietGAP giúp tiết kiệm chi phí như thuốc, hóa chất, kháng sinh, thức ăn; tỷ lệ sống cao, hạn chế dịch bệnh nên lợi nhuận so với ngoài mô hình tăng trung bình 30%.

Về môi trường: Do được hướng dẫn cụ thể cách kiểm soát các chỉ tiêu môi trường nước ao nuôi cũng như cách xử lý các chất thải tạo ra trong quá trình sản xuất nên các hộ tham gia mô hình

theo dõi các chỉ tiêu môi trường tốt hơn, có ý thức cộng đồng cao hơn, tự nguyện xây dựng khu xử lý nước thải, bùn thải để bảo vệ môi trường xung quanh.

Về xã hội: Các hộ dân có ý thức bảo vệ môi trường và gắn kết hơn trong quá trình sản xuất, tạo việc làm, thúc đẩy nghề nuôi tôm phát triển bền vững.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng các mô hình nuôi tôm VietGAP nhưng đây vẫn là hướng phát triển tất yếu của nghề nuôi tôm nước lợ ở nước ta.

ThS. LÊ NGỌC QUÂN

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

KNQG: ĐỒNG HÀNH CÙNG BÀ CON VÙNG LŨ TỈNH LÀO CAI

Để hỗ trợ bà con vùng lũ, Bộ Nông nghiệp và PTNT giao nhiệm vụ cho Trung tâm Khuyến nông Quốc gia triển khai dự án “Xây dựng mô hình nuôi gà thịt và nuôi cá tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai” nhằm giúp bà con nông dân khắc phục, chuyển đổi sản xuất. Mô hình triển khai hỗ trợ và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về chăn nuôi gà thịt thả vườn quy mô 10.000 con cho 50 hộ tham gia; mô hình nuôi cá rô phi đơn tính và nuôi cá chép lai V1 có quy mô 4 ha mặt nước với 40 hộ tham gia, yêu cầu các mô hình phải đảm bảo đạt tiêu chí kỹ thuật.

Ngày 17/9/2015, Trung tâm Khuyến nông Lào Cai đã bàn giao gà giống và cá giống cho các hộ tham gia mô hình. Tham dự lễ bàn giao có TS. Hạ Thúy Hạnh - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia,



Các hộ tham gia mô hình nhận bàn giao gà giống và cá giống

ông Nguyễn Anh Tuấn - Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Lào Cai cùng đại diện lãnh đạo UBND huyện Bát Xát, xã Quang Kim, Cốc San cùng các hộ tham gia mô hình. Tại buổi lễ đã cấp phát 10.000 con gà JDabaco đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn loại I, 30.000 con cá rô phi đơn tính và chép lai V1 cho các hộ tham gia mô hình.

Được cán bộ khuyến nông hướng dẫn, các hộ tham gia mô

hình chuẩn bị đầy đủ chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, vệ sinh làm sạch ao nuôi để có thể tiếp nhận ngay tiến bộ kỹ thuật hỗ trợ mô hình. Sự hỗ trợ này không chỉ giải quyết tình thế trước mắt mà còn giúp bà con nông dân sản xuất bền vững và nhân rộng mô hình tại các huyện miền núi, góp phần phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu sản xuất.

NGUYỄN DUY ĐIỀU

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

CAO BẰNG: ĐA DẠNG HÓA CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT LÚA KÉM HIỆU QUẢ

Vụ xuân 2016, Trung tâm Khuyến nông Cao Bằng phối hợp với Trạm Khuyến nông Khuyến lâm huyện Hà Quảng triển khai mô hình thâm canh ngô NK4300 và lạc L14 nguyên chủng trên đất lúa kém hiệu quả tại hai xã Lũng Nặm và Nà Sác. Đến nay mô hình đã cho kết quả tốt.

Mô hình thuộc dự án khuyến nông trung ương "Xây dựng mô hình chuyển đổi, tăng vụ từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng ngô, đậu đỗ ở vùng Trung du, miền núi phía Bắc" do Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông Lâm nghiệp miền núi thuộc Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên triển khai với mục tiêu vừa nâng cao hiệu quả sử dụng đất, vừa duy trì quỹ đất trồng lúa, tăng thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Sau 5 tháng triển khai, Trung tâm Khuyến nông Cao Bằng đã tổ chức tham quan và tổng kết đánh giá kết quả thực hiện mô hình. Cả hai mô hình ngô và lạc đều triển khai trên diện tích 10 ha với 30 hộ nông dân tham gia, triển khai từ tháng 3 đến tháng 7 năm 2016. Tham gia mô hình các hộ được hỗ trợ 100% giống, 50% vật tư và tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc theo quy trình của Trung tâm đề ra.

Qua so sánh hiệu quả kinh tế giữa trồng ngô với trồng lúa trên diện tích đất sử dụng 1.000m² cho thấy: Trồng lúa hàng năm đạt sản lượng 350 kg với giá bán trên thị trường hiện nay 6.000 đồng/kg, thu về 2.100.000 đồng mà



Các đại biểu tham quan mô hình trồng lạc L14

các khoản chi phí đầu tư vào đã lên tới 4.438.000 đồng, vậy là lỗ 2.338.000 đồng. Trồng ngô giống NK 4300 sản lượng thu được 700 kg với giá bán trên thị trường 5.000 đồng/kg thu về 3.500.000 đồng, chi phí đầu tư 2.820.000 đồng, lãi 680.000 đồng. Qua đó, có thể thấy rõ trồng ngô đạt hiệu quả cao hơn trồng lúa, bên cạnh đó sản phẩm ngô thâm canh luôn có đầu ra ổn định vì có các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm.

So sánh hiệu quả kinh tế của mô hình lạc giống L14 nguyên chủng trồng trên đất lúa kém hiệu quả tại xóm Nà Sác, huyện Hà Quảng với mô hình trồng lúa trên diện tích 1.000 m² cho thấy, trồng lạc L14 cho sản lượng 300 kg với giá bán 20.000 đồng/kg, thu về 6.000.000 đồng, chi phí 3.704.100 đồng, lãi 2.295.900 đồng. Tuy nhiên, do thời tiết khô hạn nên năng suất mô hình lạc chưa cao. Nhưng nếu so với canh tác lúa trên đất không chủ động nước thì việc gieo trồng thâm canh lạc theo quy trình có sự đầu tư về phân bón vẫn cho thu nhập cao hơn.

Tại buổi tổng kết mô hình, bà Nông Thị Bắc - lãnh đạo Phòng Nông nghiệp huyện Hà Quảng đề xuất: Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ người dân chuyển đổi hơn 20 ha từ trồng lúa sang trồng ngô. Trung tâm Khuyến nông tỉnh tăng cường thực hiện nhiều mô hình để đánh giá hiệu quả, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng hiệu quả, đa dạng hóa cây trồng trên đất lúa. Bên cạnh đó tuyên truyền để người dân áp dụng các công thức trồng luân canh cây trồng như: lạc xuân - ngô - khoai tây vụ đông.

Những kết quả đạt được từ mô hình đã mở ra hướng sản xuất mới trên đất trồng lúa kém hiệu quả khi mà khí hậu ngày càng khắc nghiệt, không chủ động được nước tưới, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo tăng thu nhập cho người nông dân.

PHÙNG HỒNG LAN

Trung tâm Khuyến nông Cao Bằng

YÊN BÁI: NÓI “KHÔNG” VỚI CHẤT CẤM TRONG CHĂN NUÔI

Thời gian qua, câu chuyện sử dụng chất cấm trong chăn nuôi như chất tạo nạc, chất vàng ô, hay thuốc kháng sinh đã trở thành đề tài nóng bỏng trên các phương tiện truyền thông. Tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái, các ngành chức năng và bà con nông dân nơi đây đã và đang thực hiện nhiều giải pháp để hướng đến đích cuối cùng là người tiêu dùng được sử dụng thực phẩm an toàn.

Gia đình ông Lê Văn Trung ở thôn Ngọn Ngòi, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên có thâm niên hàng chục năm với nghề chăn nuôi gà lai Đông Tảo quy mô từ 1.000 con/lứa trở lên. Trong quá trình chăn nuôi, gia đình ông lựa chọn nguồn thức ăn cho gà có nguồn gốc rõ ràng từ các cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi có uy tín trên thị trường. Gia đình ông Trung cũng tuyệt đối không phối trộn thêm bất cứ chất gì khác vào thức ăn cho gà. Theo Ông Trung, việc trộn chất cấm vào thức ăn chăn nuôi là việc làm thiếu đạo đức, vì vậy khi mua cám về nuôi gà, ông yêu cầu của hàng kinh doanh phải cam kết chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm.

Cơ sở chăn nuôi lợn thịt của gia đình bà Đào Thị Mai ở thôn 13 xã Báo Đáp, huyện Trấn Yên có quy mô từ 100 con/lứa trở lên. Thời gian qua, bà cũng không khỏi hoang mang lo lắng khi thường xuyên được nghe thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về một số cơ sở chăn nuôi có sử dụng chất cấm, bị cơ quan chức năng phát hiện xử phạt. Bà mong muốn làm ăn chân chính để cung cấp nguồn thịt lợn an toàn ra thị trường.

Đại lý kinh doanh thức ăn chăn nuôi của ông Trần Văn Đăng tại thôn Phố Hóp, xã Báo Đáp hoạt động đến nay đã mấy chục năm. Mỗi tháng, ông bán ra trung bình khoảng 50 tấn thức ăn chăn nuôi, phục vụ nhu cầu của người dân địa phương và các xã lân cận. Thời gian gần đây, khi nghe thông tin về các loại chất cấm có

trong thức ăn chăn nuôi như chất tạo nạc, chất vàng ô, một số thuốc kháng sinh... ông Đặng cũng hết sức lo ngại, không biết trong các sản phẩm nhập về có loại nào chứa chất cấm nào hay không? Một số khách hàng cũng e ngại và có thắc mắc về điều đó với ông. Do đó, ông Đặng đã chủ động liên hệ với đơn vị sản xuất để tìm hiểu và được Công ty ký cam kết về chất lượng các loại thức ăn chăn nuôi cung cấp cho đại lý của ông. Ông chia sẻ, việc kinh doanh quan trọng nhất là chữ tín, chính vì vậy ông chỉ lựa chọn những sản phẩm có uy tín, cam kết với khách hàng về chất lượng sản phẩm thức ăn chăn nuôi mà mình cung ứng.

Trên địa bàn huyện Trấn Yên hiện có trên 200 cơ sở chăn nuôi hàng hóa từ 100 con/lứa trở lên; gần 200 cơ sở chăn nuôi gia cầm quy mô từ 1.000 con/lứa và hàng nghìn hộ chăn nuôi nhỏ lẻ. Cùng với đó là hàng trăm đại lý, cửa hàng kinh doanh buôn bán thức ăn chăn nuôi ở khắp các xã, thị trấn trên địa bàn. Qua tìm hiểu, đa phần các trang trại, hộ chăn nuôi, hộ kinh doanh trên địa bàn huyện đều nói “không” với chất cấm đã phần nào giúp người tiêu dùng yên tâm sử dụng sản phẩm thịt gia súc, gia cầm được nuôi tại địa phương.

Huyện Trấn Yên đã có những giải pháp như: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về việc không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi tại các vùng chăn nuôi trọng



Các hộ chăn nuôi trên địa bàn huyện Trấn Yên kiên quyết nói “không” với chất cấm

điểm trên địa bàn. Tăng cường kiểm tra giám sát và xử lý các trường hợp vi phạm các quy định trong sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, đồng thời tổ chức cho các hộ dân ký cam kết không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi gia súc, gia cầm. Đến thời điểm hiện tại, đã có 100% cơ sở chăn nuôi hàng hóa và hơn 500 hộ dân ký cam kết không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi.

Bà Triệu Thị Bích Liệu - Trưởng phòng NN và PTNT huyện Trấn Yên cho biết, ngành nông nghiệp huyện còn tích cực hướng dẫn các cơ sở sản xuất, các trang trại, gia trại, nông hộ tiếp cận và định hướng sản xuất nông nghiệp theo hướng VietGap để tạo ra các sản phẩm an toàn cho người tiêu dùng, đảm bảo vệ sinh môi trường và phát triển chăn nuôi bền vững.

Để đồng nhất các lợi ích như: lợi nhuận của hộ chăn nuôi, người sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi và sức khỏe người tiêu dùng thì các cấp, các ngành, địa phương, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chủ trang trại, hộ chăn nuôi trên địa bàn huyện Trấn Yên nói riêng và ở khắp các địa phương nói chung cần vào cuộc quyết liệt trong cuộc chiến “nói không” với chất cấm trong chăn nuôi.

THANH TIẾN

Trạm Khuyến nông huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái

NHỮNG MÔ HÌNH TỐT, CÁCH LÀM HAY TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở HÀ TĨNH

Về Hà Tĩnh hôm nay, đâu đâu cũng thấy hình ảnh nông thôn mới (NTM) hiện hữu, người dân hăng say thi đua sản xuất. Những mô hình do người dân thực sự làm chủ ngày càng nhiều như trồng cây ăn quả chất lượng cao với đặc sản cam Bù nổi tiếng của ông Ngô Xuân Linh ở Sơn Mai, Hương Sơn; nhiều mô hình trồng rau, củ quả trên cát hoang hóa ven biển ở các huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên và Nghi Xuân... Mô hình chăn nuôi theo hướng liên kết 300 con lợn nái, 500 con lợn thịt, giải quyết việc làm cho hơn 20 lao động, lợi nhuận hàng tỷ đồng của anh Nguyễn Văn Xoan ở xã Ân Phú (Vũ Quang); mô hình chăn nuôi lợn quy mô 4.700 con/lứa của ông Trần Nghệ Tĩnh ở xã Cẩm Thăng (Cẩm Xuyên), trung bình mỗi năm xuất chuồng 3 lứa lợn thương phẩm với gần 18 nghìn con; mô hình chăn nuôi lợn nái quy mô 300 con của bà Nguyễn Thị Thu Hương, xã Sơn Diệm; ông Lê Xuân Bình, xã Sơn Long (Hương Sơn); mô hình chăn nuôi lợn nái của HTX Chăn nuôi và dịch vụ tổng hợp Thu Hằng tại xã Kỳ Phong (Kỳ Anh); mô hình chăn nuôi bò sữa ở xã Đức Dũng, huyện Đức Thọ...

Cùng với việc thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới của Chính phủ, tỉnh Hà Tĩnh còn sáng tạo thêm tiêu chí thứ 20: Xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu, vườn mẫu đã tạo nên dấu ấn trên



Mô hình chăn nuôi bò lai của gia đình bà Nguyễn Thị Lý, thôn Đông Thạch xã Trường Lộc, huyện Can Lộc

vùng đất được mệnh danh “chảo lửa, túi mưa” này. Sau gần 3 năm thực hiện, đến nay đã có trên 1.000 khu dân cư NTM kiểu mẫu tạo nên diện mạo mới về môi trường nông thôn xanh - sạch - đẹp, gắn với phát triển kinh tế vườn hộ như: Thôn Thành Tiến, xã Xuân Thành; thôn 7, xã Xuân Phổ (Nghi Xuân); thôn Tân An xã Cẩm Bình; thôn Yên Mỹ, xã Cẩm Yên (Cẩm Xuyên); thôn Châu Trinh, xã Tùng Ảnh (Đức Thọ)... Đến nay, toàn tỉnh Hà Tĩnh đã có trên 2.000 vườn mẫu, cho thu nhập trung bình từ 50 - 120 triệu đồng/vườn/năm. Kết quả đã làm thay đổi tập quán của người dân từ sản xuất truyền thống tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa, kết nối thị trường; khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng đất vườn.

Kết quả sau 6 năm thực hiện đã tạo nên bước đột phá lớn với 11.965 mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả trên các lĩnh vực, đạt doanh thu trên 100 triệu đồng/năm. Các mô hình được duy trì bền vững, phù hợp với nguyện vọng người dân, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Hiệu quả hơn các mô hình sản xuất kinh doanh từ miền núi đến đồng bằng, xuống vùng biển đã được khẳng định, phá vỡ tư duy “manh mún, nhỏ lẻ” nhiều đời nay của người nông dân Hà Tĩnh, đây là những “mô hình NTM của lòng dân”.

NGÔ THẮNG

Văn phòng Điều phối chương trình NTM,
tỉnh Hà Tĩnh

BẮC NINH: NGƯỜI ĐƯA CÂY NHÂN MỤN VỀ ĐẤT VIỆT ĐOÀN

Ở xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, ai cũng biết đến mô hình chuyển đổi diện tích đất vườn từ trồng những cây ăn quả kinh tế thấp sang trồng nhãn muộn cho thu nhập hàng trăm triệu đồng mỗi năm của gia đình ông Nguyễn Văn Tích.

Theo chân bà Trịnh Thị Huyền - Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân xã Việt Đoàn, chúng tôi đến thăm vườn nhãn của gia đình ông Tích, trước đây cả khu vườn này trồng toàn vải, ổi, nhãn... Tuy nhiên, qua thực tế sản xuất, nhận thấy giống những loại cây trồng này không phù hợp do thời gian thu hoạch ngắn và hiệu quả kinh tế không cao nên ông Tích thấy cần phải chuyển đổi một loại cây trồng khác để tăng thêm thu nhập. Trong một lần tình cờ về huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, thấy giống nhãn chín muộn với nhiều ưu điểm: quả to, ngon, chùm hoa thưa, cánh hoa to, dày; Khi gặp mưa, hoa không bị rụng, tỷ lệ đậu quả cao, thời gian thu hoạch muộn hơn nhãn địa phương gần 1 tháng và có nhiều ưu điểm phù hợp với vùng đất quê mình, ông Tích đã quyết tâm đưa giống nhãn này về trồng. Năm 2009, ông chặt hết 3 mẫu vải (3.600m²/mẫu), dọn sạch vườn đầu tư cải tạo lại đất rồi đặt mua 300 cây giống về trồng thử.

Nhờ nắm vững kỹ thuật trồng và chăm sóc hợp lý, sau 3 năm thu hoạch, vườn nhãn của ông cho thu hoạch 1 tấn quả, thu nhập vài chục triệu đồng/vụ. Những cây nhãn trong vườn nhà

ông chỉ cao tầm hơn 2 - 3m mà quả xum xuê, đứng dưới đất cũng có thể thu hoạch, giá bán đạt trung bình từ 25.000 - 30.000 đồng/kg, cao gấp gần 1,5 lần so với nhãn chính vụ và được nhiều lái buôn từ trong tỉnh về đặt mua. Hiện nay, sản lượng thu hoạch đạt khoảng 10 tấn quả trở lên, trừ chi phí cũng thu về khoảng 230 triệu đồng.

Để có được thành công như ngày hôm nay, ông Nguyễn Văn Tích không ngừng trau dồi thêm kiến thức, tìm tòi học hỏi những phương thức, mô hình sản xuất mới cũng như áp dụng những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Đưa chúng tôi ra thăm vườn nhãn trĩu quả tới ngày thu hoạch, ông Tích phấn khởi cho biết, đây là giống nhãn Miền đột biến, để trồng nhãn năng suất cao, quả to, đều, chất lượng ngon, thì phải biết kết hợp hài hòa giữa ứng dụng tiến bộ kỹ thuật với kinh nghiệm của bản thân. Đó là, ngay sau khi thu hoạch là thời gian cây nhãn bị tổn thương cây yếu nhất, vì vậy việc đầu tiên là bón phân cho cây để cây đâm lộc thu, sau đó tỉa cành, tạo tán, chăm sóc, trả lại sức khỏe cho cây, đảm bảo sự phục hồi, sinh trưởng và phát triển. Việc tạo tán, tỉa bớt cành yếu làm cho cây thưa cành, tán



Ông Nguyễn Văn Tích bên vườn nhãn chín muộn của gia đình

rụt lại không để vườn quá cao, mục đích là để phân hoá mầm nhanh. Liền sau công việc này là xới, xáo gốc, vệ sinh vườn sạch sẽ, trước và sau khi cây ra hoa đậu quả thì phun thuốc vi lượng để cây phát triển tốt.

Hiện nay, vườn nhãn của ông Tích cứ đến vụ thu hoạch lại được tư thương khắp nơi đến thu mua tận vườn vì nhãn của gia đình có mẫu mã đẹp, chất lượng ngon và là giống nhãn hiếm trên thị trường. Đây cũng là địa điểm để đông đảo nhân dân trong và ngoài xã đến tham quan và học tập kinh nghiệm.

Thành công từ mô hình trồng nhãn của ông Tích là bài học quý giá, giúp bà con nông dân có thêm kinh nghiệm trong sản xuất, từ đó có hướng chuyển đổi cây trồng phù hợp với nhu cầu thị trường, điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương.

NGUYỄN HOÀI

*Trung tâm Khuyến nông Khuyến ngư
Bắc Ninh*

MỘT SỐ MÔ HÌNH KINH TẾ VƯỜN THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI QUẢNG TRỊ

Nằm trong khu vực Bắc Trung Bộ, tỉnh Quảng Trị được xác định là một trong những địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu bởi địa hình đa dạng, có cả vùng đồi núi, đồng bằng và bờ biển nên thời tiết khí hậu khắc nghiệt, thiên tai thường xuyên xảy ra. Những năm gần đây, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra nhiều trận thiên tai nguy hiểm như lốc tố, lũ quét, sạt lở đất ảnh hưởng bất lợi đến sản xuất, đời sống của người dân, trong đó ảnh hưởng nhất vẫn là sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên, trong những năm qua, bằng sự nỗ lực của người dân và chính quyền địa phương trong tỉnh nhiều mô hình kinh tế vườn cải tạo vùng cát, vùng đồi khô cằn đã mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân và có tác dụng bảo vệ môi trường...

1. Mô hình trồng cam ở vùng đất chết (vườn đồi K4)

Mô hình chuyên canh cây cam sạch của ông Trần Ngọc Nhơn ở xã Hải Phú, huyện Hải Lăng là mô hình đầu tiên của tỉnh Quảng Trị không sử dụng hóa chất trong tất cả các khâu chăm bón, thu hoạch, bảo quản. Công tác chăm sóc, làm cỏ cũng chỉ dùng rựa phát và máy cắt để hạn chế xói mòn rửa trôi, giữ ẩm cho đất.

Hai giống cam Vân Du và Xã Đoài được lấy từ Nghệ An đã thích nghi rất tốt, phát triển xanh tươi trên vùng đất K4. Các giống cam này trồng ở vùng K4 cho quả to, đều, ngọt thanh, ít bị sâu bệnh, năng suất cao. Bình quân 1 ha, cho thu hoạch khoảng 10 - 12 tấn/năm. Với giá bán tại vườn năm 2015 là 20.000 đồng/kg, sau khi trừ mọi chi phí, còn lãi từ 130 - 150 triệu đồng/ha. Từ mô hình có hiệu quả này, đến nay đã có nhiều hộ lên đây lập vườn canh tác nên và đã phát triển hơn 15 ha cam và cho hiệu quả rất tốt. Đáng ghi nhận là sự liên kết, hỗ trợ, chia sẻ giữa các hộ nông dân trồng cam đã giúp họ có thêm nhiều kinh nghiệm trồng và chăm sóc cam. Vì thế, toàn vùng K4 tạo ra sản phẩm cam khá đồng đều về chất lượng.



Mô hình kinh tế vườn đã mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân

2. Mô hình trồng nhãn ở vùng đất khô cằn, sỏi đá

Mô hình của ông Đào Văn Lưu ở thôn Cam Phú 1, xã Cam Thành, huyện Cam Lộ. Mô hình được thực hiện từ năm 2000, với 300 gốc nhãn là cây trồng chính trong vườn. Bằng kinh nghiệm và nghị lực phấn đấu không ngừng, hai năm đầu cây cho quả bói, quả chưa to và chưa nhiều, đến năm thứ ba cây nào cũng vàng rực cả một góc đồi. Sau khi trừ chi phí, ông thu được 250 triệu đồng/năm từ nhãn.

Ngoài cây nhãn, ông còn đầu tư trồng thêm 5 ha trà, đến nay đã thu hoạch được 2 đợt, mỗi đợt ông thu 300 triệu đồng. Năm 2002, ông trồng thêm 200 gốc hồ tiêu, sau 3 năm cho thu hoạch mỗi mùa từ 1,5 đến 2 tạ tiêu khô, với giá trị khoảng 30 triệu đồng. Ông Lưu còn trồng thêm 70 gốc thanh long ruột trắng, sau 1 năm thanh long bắt đầu cho quả, mỗi năm cho từ 3 đến 3,5 tạ quả, giá bán trung bình 20 ngàn đồng/kg. Năm 2008, ông xây hồ nuôi 4.000 con cá rô, cá trắm và cá trê.



Mô hình trồng thanh long ruột đỏ và trồng cam cho hiệu quả cao

Hai năm ông thu hoạch cá một lần, trung bình mỗi lần cũng thu được 30 triệu đồng.

3. Mô hình trồng thanh long ruột đỏ ở trên vùng đất thường xuyên có nguy cơ ngập lụt

Vùng đất mà ông Đỗ Đức Duệ, thôn Bích Khê, xã Triệu Long, huyện Triệu Phong triển khai trồng thanh long ruột đỏ, trước đây trồng loại cây gì cũng không hiệu quả. Bởi chỉ một trận mưa là cây trồng bị ngập úng.

Sau khi dành thời gian nghiên cứu để khắc phục hạn chế của vùng đất này, ông Duệ quyết định trồng thanh long ruột đỏ. Sau một thời gian trồng, chăm sóc, ông rất phấn khởi khi thấy lúa thanh long đầu tiên trở bông, đậu quả. Qua năm thứ 2, cây ra hoa và đậu quả nhiều hơn. Bình quân 1 trụ số quả thanh long đạt từ 5 - 6 kg, năm thứ 3 đạt khoảng 10 kg. Nếu thời tiết thuận lợi, vườn cây thanh long cho thu hoạch liên tục từ tháng 4 - 10 âm lịch, tổng thu khoảng 3 tấn quả, giá bán bình quân tại vườn 25.000 đồng/kg, mang về cho gia đình nguồn thu nhập khoảng 75 triệu đồng/năm.

Bên cạnh trồng thanh long ruột đỏ, ông Duệ còn làm 3 sào

ruộng, trồng bưởi, chè và trồng ớt, nghệ, rau màu... xen canh giữa những trụ thanh cộng với nuôi lợn, ngan, gà. Tổng thu nhập của gia đình ông từ 100 - 120 triệu đồng/năm. Thời gian tới, ông sẽ chuyển đổi số diện tích đất bạc màu để trồng thêm 50 gốc thanh long ruột đỏ.

4. Mô hình kinh tế vườn ao chuồng

Mô hình của Ông Trần Đăng Truyền ở xã Vĩnh Thủy, huyện Vĩnh Linh có diện tích đất gần 7 ha, trong đó có 3 ha trồng lúa kết hợp nuôi cá. Mỗi năm, gia đình ông thu trên 18 tấn lúa, 35 triệu đồng từ nuôi cá thịt và cung cấp cho thị trường trên 3 vạn con cá giống. Ông còn gây dựng đàn gà thả vườn trên 300 con; 40 con lợn thịt, trên 1.500 con vịt thịt... Hàng năm, trừ chi phí, mô hình của gia đình ông mang lại lợi nhuận trên 200 triệu đồng. Ông Truyền cho biết, thời gian tới, ông sẽ hướng dẫn hỗ trợ các con, cháu tiếp tục mở rộng đầu tư nuôi trồng một số loại cây, con mới cũng như tiếp tục đầu tư mua sắm thêm máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp.

5. Mô hình kinh tế vườn trên vùng đất cát

Mô hình của bà Nguyễn Thị Tuyền ở xã Triệu Vân, huyện

Triệu Phong được triển khai trên vùng đất trước đây chỉ trồng độc canh cây khoai lang nhưng do hạn hán nên hiệu quả kinh tế không cao. Từ khi chuyển đổi sang trồng cây ném, kiệu, lạc, mướp đắng, đậu xanh... đã cho hiệu quả kinh tế cao hơn trước. Đây là những loại cây ngắn ngày, có khả năng chịu hạn nên phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng vùng cát, vừa đáp ứng nhu cầu thị trường. Với cây ném, kiệu cho thu nhập 130 triệu đồng/ha; mướp đắng 100 - 120 triệu đồng/ha; đậu đen xanh lòng 50 triệu đồng/ha...

Có thể nói tùy theo quy mô, diện tích đất và nguồn vốn, kỹ thuật, địa hình canh tác khác nhau, mà tại các địa phương trong tỉnh đã triển khai những mô hình phát triển kinh tế khác nhau. Hy vọng rằng trong thời gian tới, những mô hình này tại tỉnh Quảng Trị sẽ được các cấp, các ngành trong tỉnh quan tâm với những chính sách thích hợp như hỗ trợ giống cây, giống con, đào tạo và tập huấn về phương pháp, về kỹ thuật và thông tin thị trường để những mô hình này ngày càng phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

BBT (gt)

ĐỒNG NAI: THU NHẬP CAO TỪ MÔ HÌNH VAC KẾT HỢP

Hiện nay, mô hình VAC kết hợp không còn là hình thức sản xuất nông nghiệp xa lạ với nông dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Để áp dụng VAC có hiệu quả, nông dân cần phải có một số cải tiến cho phù hợp hơn với điều kiện cá biệt của từng nông hộ. Ông Lại Đình Hội ở ấp 6, xã Bà Cạn, huyện Long Thành là một điển hình với mô hình VAC kết hợp có diện tích 2,3 ha, hàng năm gia đình ông thu về tổng lợi nhuận trên 600 triệu đồng/năm.

Năm 1987 với diện tích 1,5 ha, ông trồng chôm chôm Java xen cà phê, sau 11 năm sản xuất ông thấy thu nhập từ mô hình này không cao do giá cả thị trường luôn biến động, giống chôm chôm Java không còn phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng nên ông đã phá bỏ để trồng điều cao sản. Sau khi đã trừ các khoản chi phí, ông thu nhập từ vườn điều hàng năm từ 70 - 100 triệu (tùy vào giá cả). Ông chia sẻ, bản thân tự nhận thấy tiến bộ khoa học kỹ thuật ngày càng được áp dụng rộng rãi vào sản xuất nông nghiệp, giúp nông dân tăng thêm thu nhập, do vậy ông thường xuyên tham quan, học hỏi các mô hình sản xuất đạt hiệu quả kinh tế cao ở các địa phương và vùng lân cận.

Sau 17 năm trồng điều, nhận thấy cây bưởi da xanh phù hợp với đất đai, khí hậu của địa phương, năm 2015 ông quyết định chuyển sang trồng bưởi.

Hiện nay, vườn bưởi da xanh sau một năm trồng đã sinh trưởng và phát triển tốt nhờ sử dụng nguồn phân hữu cơ từ chăn nuôi để cải tạo đất. Bên cạnh đó, ông cũng đã thiết kế hệ thống tưới phun cho cả vườn bưởi. Khi cây bưởi còn nhỏ ông trồng xen ngô vào giữa hai hàng bưởi để tận dụng ánh sáng và dinh dưỡng. Cây ngô đến kỳ thu hoạch ông dùng chăn nuôi heo, gà, vịt. Ngoài gia đình ông trồng thêm 2 ha khoai, sản phục vụ chăn nuôi.

Bên cạnh việc trồng trọt, gia đình ông có 3 ao nuôi cá, toàn diện tích mặt ao là 3.000 m², ông nuôi ghép nhiều loại cá gồm: cá trắm, chép, mè, trôi, mè, rô phi... để tận dụng không gian nuôi và thức ăn. Sau khi trừ chi phí, tổng thu nhập từ nuôi cá là 20 triệu đồng/năm. Lượng bùn vét từ ao cá ông dùng để bón cho diện tích vườn và sau đó kết hợp vệ sinh ao để nuôi cá ở những lứa sau.

Trong mô hình VAC kết hợp này, nguồn thu nhập chính của gia đình ông Hội từ 3.000 m² diện tích chăn nuôi. Cụ thể, ông nuôi lợn nái, số lợn con sinh sản được ông để lại nuôi thúc để bán lợn thịt. Do không phải mua lợn con



Một trong những mô hình VAC kết hợp đạt hiệu quả cao của gia đình ông Lại Đình Hội

giống nên sau khi trừ các khoản chi phí, hàng năm ông thu lãi bình quân là 400 triệu đồng. Bên cạnh đó, số lợn con còn lại ông bán lợn con giống. Bình quân thu nhập từ bán lợn giống được 50 triệu đồng/năm. Gia đình ông tận dụng nguồn ngô, sắn, rau... thu được để nuôi lợn rừng lai, gà, vịt... (gồm 7 con lợn rừng lai mẹ và 1 con lợn rừng bố) sau khi trừ chi phí, thu lãi từ bán lợn thịt và và lợn con giống là 100 triệu đồng; thu nhập thêm từ gà, vịt khoảng 7 triệu đồng/năm.

Ông Lại Đình Hội là một nông dân ham học hỏi, mạnh dạn ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất đạt hiệu quả cao. Đây là mô hình cần được theo dõi, đánh giá làm cơ sở nhân rộng tại địa phương.

VÕ THỊ MAI

Trạm Khuyến nông huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

PHÒNG VÀ TRỊ BỆNH TIÊU CHẢY CẤP TRÊN LỢN (PED)

1. Nguyên nhân bệnh

Bệnh tiêu chảy cấp tính trên lợn PED (Porcine Epidemic Diarrhoea) do *Coronavirus* gây ra. PED lây lan nhanh và gây tỉ lệ chết cao trên lợn, đặc biệt là lợn con theo mẹ. Lợn con từ 0 - 5 ngày tuổi mắc bệnh tỉ lệ chết 100%, lợn con trên 7 ngày tuổi mắc bệnh tỉ lệ chết 30 - 50%, gây thiệt hại kinh tế lớn cho người chăn nuôi.

Bệnh gây ra do virus PED tấn công vào hệ nhung mao thành ruột làm giảm khả năng hấp thu dinh dưỡng và gây mất nước, lợn bị tiêu chảy, đặc biệt lợn con thường bị tiêu chảy cấp tính và chết nhanh. Bệnh lây lan rất nhanh trong đàn.

Bệnh thường xảy ra với lợn nuôi ở chuồng trại ẩm ướt, lạnh, bẩn, lợn con chưa được tiêm sắ, lợn mẹ chưa được tiêm phòng đầy đủ.

Virus PED tồn tại lâu trong môi trường và chất thải chăn nuôi nhưng lại dễ bị tiêu diệt bởi ánh sáng và chất sát trùng. Vì vậy công tác vệ sinh và khử trùng chuồng trại môi trường chăn nuôi là khâu rất quan trọng trong phòng chống dịch bệnh này.

2. Cách lây lan

Bệnh lây lan và phát dịch nhanh chóng. Bệnh lây lan trực tiếp từ lợn ốm sang lợn khỏe (qua phân, dịch tiết...) và lây lan gián tiếp qua phương tiện vận chuyển, đặc biệt là xe và người ra vào mua bán lợn tại trại qua thức ăn, nước uống nhiễm mầm bệnh. Sau khi xâm

nhập qua đường tiêu hóa, virus PED tăng lên nhanh ở ruột non, ăn mòn lớp vi nhung mao ruột, làm cho ruột mỏng dần, xuất huyết, lợn không tiêu hóa được thức ăn, gây nôn mửa và tiêu chảy. Lợn con bị bệnh do sữa chưa tiêu nên phân và dịch nôn có màu trắng đục, vàng nhạt hoặc đậm. Sau khi virus xâm nhập vào cơ thể từ 18 - 24 giờ đã có biểu hiện lâm sàng trên đàn lợn.

3. Triệu chứng lâm sàng

Lợn con theo mẹ bú ít hoặc bỏ bú, lợn con bị tiêu chảy cấp, phân lỏng, mùi tanh, phân màu trắng đục hoặc vàng nhạt, phân dính bết ở hậu môn. Lợn có hiện tượng nôn mửa do sữa không tiêu, con vật bỏ bú, mất nước, thân nhiệt giảm nên hay có hiện

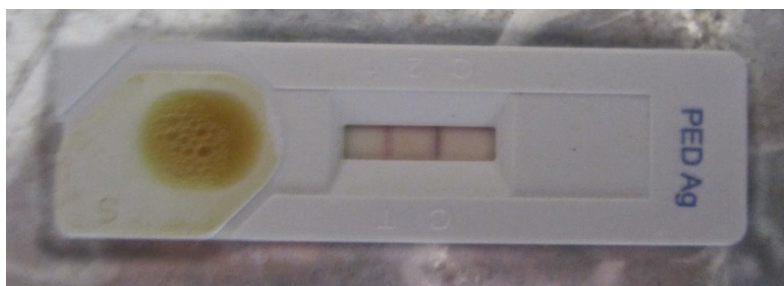
tượng nằm lên bụng lợn mẹ. Bệnh lây lan nhanh chóng trong đàn. Bệnh lây lan nhanh, gây thiệt hại kinh tế lớn cho người chăn nuôi và gây hiện tượng lưu cữu mầm bệnh trong đất, nước và khu vực chăn nuôi.

4. Chẩn đoán

Căn cứ vào các triệu chứng lâm sàng như: Lợn con tiêu chảy cấp tính, phân loãng màu vàng, tanh, có sữa không tiêu, bệnh lây lan nhanh trong đàn với tỷ lệ chết cao (với lợn con < 5 ngày tuổi, tỉ lệ chết đến 100%). Lợn con gầy nhanh do mất nước, lợn con thích nằm lên bụng lợn mẹ. Đã điều trị bằng các loại kháng sinh không có kết quả, bệnh dễ nhầm với bệnh viêm dạ dày ruột truyền nhiễm (TGE) và bệnh do cầu trùng Coccidiosis.



Do sữa không tiêu, thân nhiệt giảm, lợn con có hiện tượng nằm lên bụng lợn mẹ



Test kiểm tra dùng trong chẩn đoán bệnh PED

Chẩn đoán phân biệt:

Chẩn đoán huyết thanh học, dùng Test kiểm tra nhanh để phát hiện bệnh.

- Phân biệt các bệnh:

+ Quá trình lây lan nhanh trong đàn: Có thể là do PED, TGE... lây lan chậm có thể là do E.coli, Coccidiosis...

+ Bệnh do PED: Thường ở mọi lứa tuổi; TGE thường trong 20 ngày tuổi đầu tiên, Coccidiosis thường sau 1 tuần tuổi.

+ Tỷ lệ bệnh, chết: Bệnh gây chết nhiều, nhanh, điều trị bằng các kháng sinh đặc hiệu mà không có kết quả có thể là bệnh PED, TGE, còn bệnh do E.coli, Coccidiosis... điều trị bằng kháng sinh và thuốc trị cầu trùng đặc hiệu là khỏi.

5. Phòng bệnh

- Lợn mẹ: Tiêm đầy đủ các loại vắc xin (bao gồm vắc xin PED).

- Lợn con: Tiêm sắt.

- Chuồng trại: Giữ chuồng ấm, khô, sạch.

- Chống mất nước: Cho lợn uống chất điện giải hoặc tiêm xoang bụng dung dịch Glucoza, nước muối sinh lý Lactat...

- Giảm nhu động ruột bằng cho uống nước lá chát (lá ổi hoặc trà bắc và vài lát gừng) hoặc tiêm Atropin.

- Cân bằng tập đoàn vi sinh đường ruột bằng cách bổ sung men tiêu hóa.



Lợn con tiêu chảy, phân màu vàng do sữa không tiêu hóa được

- Tùy nguy cơ bệnh kể phát có thể: Cho thuốc chống cầu trùng: Anticoc, Baycoc... Hoặc cho uống thuốc kháng khuẩn đường ruột: Sulfamethoxazole, Trimethoprim, Colistin, Enronofloxacin, Qxytetracyclin...

6. Thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học

- Đảm bảo cách ly: Chuồng trại có hàng rào ngăn cách giữa trong và ngoài trại, xe mua lợn không được vào trong trại mà phải đỗ ở ngoài trại đúng nơi qui định.

+ Tăng cường kiểm soát người và các phương tiện ra vào trại, đặc biệt là các xe và người mua lợn, có thể mang mầm bệnh từ các nơi khác đến, đây là nguyên nhân chính làm lây lan dịch bệnh.

+ Xe vận chuyển trong trại sau khi vận chuyển phải được rửa, sát trùng, để khô mới được vận chuyển tiếp.

+ Có chuồng nuôi cách ly khu nuôi lợn mới nhập và khu bán lợn.

- Thường xuyên vệ sinh, khử trùng trong chuồng nuôi, môi trường xung quanh, có hố sát trùng ở cửa ra vào chuồng. Đảm bảo chuồng trại sạch sẽ, khơi thông cống rãnh, quản lý tốt chất thải chăn nuôi.

- Thực hiện phương pháp chăn nuôi “Cùng vào, cùng ra”.

- Không nuôi nhiều loài gia súc, gia cầm chung trại hoặc nuôi lợn nái nuôi con cùng chuồng nuôi lợn ở các lứa tuổi.

- Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh, tiêu độc sát trùng, diệt côn trùng gặm nhấm...

- Luôn tuân thủ qui tắc: “Khô, sạch, ấm” cho chuồng nái nuôi con và chuồng lợn con.

- Lợn mẹ trong thời gian mang thai nên đảm bảo đầy đủ dưỡng chất cho bào thai, nuôi đúng kỹ thuật.

TS. HẠ THÚY HẠNH

PGĐ. Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

KỸ THUẬT TRỒNG, THU HÁI VÀ BẢO QUẢN SÚ SÚ

1. YÊU CẦU SINH THÁI

a. Nhiệt độ

Cây sù sù sinh trưởng và phát triển tốt nhất ở nhiệt độ từ 12 - 13°C, biên độ dao động nhiệt độ ngày và đêm là 4 - 5°C. Nhiệt độ vượt quá 23°C, biên độ ngày và đêm ít cây sù sù sinh trưởng, phát triển kém, nhiều sâu bệnh, chất lượng quả, ngọn, lá cứng không ngọn.

b. Ánh sáng

Các vùng nhiệt đới có độ cao trên 800m so với mực nước biển ở mùa hè và trong điều kiện vụ đông xuân của miền Bắc Việt Nam có thời gian chiếu sáng ngắn (8 - 10 giờ/ngày), cây sù sù có khả năng sinh trưởng tốt, cho năng suất cao, chất lượng ngọn và quả tốt.

c. Nước

Cây yêu cầu ẩm độ đất thích hợp là từ 80 - 85%, độ ẩm không khí khoảng 85 - 90%. Đất quá ẩm trên 90% trong thời gian dài bộ rễ của cây bị ảnh hưởng.

d. Đất

Cây sù sù thích hợp trên đất giàu dinh dưỡng, hàm lượng mùn cao, thoát nước tốt, độ pH từ 5 - 6,0.

2. GIỐNG VÀ KỸ THUẬT TRỒNG TRỌT

a. Giống và cây giống

Hiện nay có 2 giống sù sù đang được trồng phổ biến là sù sù trơn và sù sù gai.

Có 2 cách trồng sù sù ra ngoài ruộng: Trồng trực tiếp xuống đất và ươm cây vào túi bầu, khi cây con trong bầu từ 4 - 5 lá thật cao 15 - 20 cm tiến hành mang cây đi trồng.

b. Thời vụ

- Ở đồng bằng Bắc Bộ trồng từ tháng 9 đến tháng 10.

- Ở những vùng có độ cao khoảng 800m so với mực nước biển, trồng vào tháng 1 đến tháng 3, ở những vùng này trồng 1 lần cây có thể sống được 2 - 3 năm.

c. Làm đất, trồng cây

- Rắc vôi bột đều khắp ruộng, cày đất thành luống rộng 1,5 - 2,0m. Nếu trồng sù sù lấy ngọn, ở nơi đất bằng phẳng đào hố thẳng hàng, có đường kính 50cm, sâu 40cm, cách nhau 1,5 - 2m. Nếu trồng lấy quả trên đất dốc, hố đào theo đường đồng mức, đường kính 50cm, sâu 40cm, khoảng cách 2,5 - 3,0m.

- Trồng mỗi hố 3 quả, vào 3 góc của hố sau đó lấp đất phủ kín quả, chỉ để hở mầm. Một héc ta sù sù trồng thu quả cần 250 - 360kg quả giống, đảm bảo mật độ 1.000 - 1.500 cây/ha. Trồng thu ngọn lượng quả giống 450 - 500kg, đảm bảo mật độ 2.000 - 2.500 cây/ha.

d. Phân bón và chất bổ sung

Bón lót trước 7 ngày toàn bộ phân chuồng và vôi bột + 10% super lân. Mỗi hố bón 15 - 25kg phân chuồng hoai mục hoặc 1,5 - 2kg phân hữu cơ vi sinh và 0,2 - 0,25kg supe lân.

- Bón thúc làm 5 đợt:

Lần 1: Sau trồng 15 - 20 ngày khi cây bắt đầu leo dàn.

Lần 2: Khi cây bắt đầu ra hoa.

Lần 3: Khi cây ra hoa đậu quả hoặc bắt đầu cho cắt ngọn lúa đầu tiên.

Lần 4: Sau khi thu quả lúa đầu.

Lần 5: Sau thu quả 2 - 3 lần tiếp tục bón thúc cho cây.

- Liều lượng và cách bón phân cho 1 héc ta như bảng sau:

Loại phân	Lượng phân bón	Bón lót	Bón thúc					
	(kg/ha)		%	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5
Phân hữu cơ hoai mục/hữu cơ vi sinh	15.000 - 20.000 1.500 - 2.000	100						
Urê	400	0	20	30	20	20	10	
Supe lân	250	10	20	20	20	20	10	
Kali crolua	130	0	10	20	30	20	20	
Vôi bột	560	100						



Sau trồng khoảng 75 - 90 ngày, cây su su có thể cho thu quả

d. Chăm sóc

Khi cây mới trồng cần giữ đủ ẩm thường xuyên xới xáo vun gốc nhất là giai đoạn cây chuẩn bị bắc giàn. Khi cây sinh trưởng phát triển tốt chú ý tỉa bỏ lá già, để hạn chế sâu bệnh hại. Nếu là cây lưu giống bằng dây năm trước, đến tháng 9 - 10 cần bới nhẹ đất, bón phân quanh gốc để dây tái sinh mầm mới.

Khi cây cao 30 - 40 cm cần cắm que để cho su su leo và làm giàn cho cây leo. Giàn được làm theo kiểu mái bằng là phù hợp nhất. Su su thu quả làm giàn cao 1,8 - 2m, rộng 1,5 - 2m có lối đi. Với giàn su su ăn ngọn chỉ cần bắc giàn cao 40 - 50cm rộng 1,5 - 2m để tiện thu hái ngọn.

- Cây su su có nhu cầu nước lớn, độ ẩm đất thích hợp cho cây phát triển là 80 - 85%, cây kém chịu úng nên khi mưa úng cần phải tiêu úng kịp thời.

e. Phòng trừ sâu bệnh

Thường xuyên thăm đồng để kịp thời phát hiện sâu bệnh. Áp dụng các biện pháp phòng trừ dịch hại tổng hợp (IPM): Luân canh cây trồng, ngắt trứng, bắt sâu, nhổ bỏ cây bị bệnh. Khuyến khích sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học. Chỉ sử dụng thuốc hóa học khi thật cần thiết và sử dụng các loại thuốc trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng

trên cây rau do cơ quan bảo vệ thực vật ban hành và hướng dẫn.

Su su có các loại sâu hại chính như: Rệp (*Aphididae*), sâu vẽ bùa (*Agromyzidae*), nhện đỏ (*Tetranychidae*), bọ trĩ (*Thripidae*).

Cách phòng trừ: Ngoài các biện pháp phòng trừ tổng hợp kết hợp với thâm canh hợp lý, bón phân cân đối, đúng thời kỳ và vệ sinh đồng ruộng khi cần thiết vẫn sử dụng thuốc hóa học, các loại thuốc theo hướng dẫn của cơ quan bảo vệ thực vật hay trên bao bì thuốc.

3. THU HOẠCH VÀ SAU THU HOẠCH

a. Su su lấy quả

Sau trồng khoảng 75 - 90 ngày cây có thể cho thu quả. Thu khi quả vừa căng bóng, thu cách nhau 5 - 7 ngày.

Quả su su có thể bảo quản được 7 ngày ở điều kiện nhiệt độ từ 15 - 20°C, thoáng khí. Để trong các hộp có lỗ, trong túi lưới nhiệt độ 1 - 5°C, ẩm độ 95 - 98% có thể để được 2 tháng.

b. Su su lấy ngọn

Sau trồng khoảng 3 tháng cây có thể cho thu ngọn rõ, dùng dao, kéo sắc cắt từng ngọn, vị trí cắt cách nách lá 1 - 1,5cm. Trong quá trình thu ngọn cần cắt tỉa những lá già, lá bệnh và những nhánh vô hiệu.

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

1. KỸ THUẬT SẢN XUẤT ÉCH GIỐNG

a. Nuôi vỗ ếch bố mẹ

* Nơi nuôi vỗ

- Chọn ao có độ sâu 40 - 50 cm có nguồn nước sạch và hang trú ẩn, bờ có bóng mát. Thả bèo tây hoặc rau muống chiếm 1/2 diện tích mặt ao.

- Vệ sinh, tẩy trùng ao trước khi đưa vào nuôi vỗ.

* Lựa chọn ếch bố mẹ

Nên chọn ếch tốt 2 - 3 tuổi từ ao ếch thịt để thu được nhiều trứng, trứng to, nở con mập mạp.

* Mật độ nuôi vỗ

- Nếu có điều kiện nên nuôi riêng ếch đực và cái khoảng 1 tháng trước khi cho đẻ.

- Éch đực 3 - 5 con/m²; ếch cái 3 - 4 con/m²;

- Trong thời gian cho đẻ, mật độ: 1 - 5 cặp/m².

* Chế độ nuôi vỗ

Thức ăn công nghiệp có độ đạm 25% hoặc thức ăn tự chế (40% cá xay + 60% bột ngũ cốc). Lượng thức ăn cho ăn bằng 3 - 4% trọng lượng đàn ếch.

b. Cho ếch đẻ

Cho ếch đẻ tự nhiên trong ao. Đầu tháng 3 âm lịch, ếch cái phát dục có bụng phình to và mềm. 3 - 4 ngày sau khi có tiếng kêu thưa thớt của ếch đực, ếch cái sẵn sàng đẻ trứng. Nếu nuôi riêng đực - cái thì tối hôm đó, phải đưa ếch đực vào thả chung với ếch cái.

Éch đẻ ban đêm, sáng sớm đi vớt trứng ngay bằng cách dùng đĩa hoặc chậu vớt nguyên cả màng trứng rồi đổ nhẹ vào chậu to, xô có chứa sẵn nước sạch. Tránh làm vỡ màng nhầy. Không để các màng trứng chồng lên nhau dày đặc và vón cục, trứng sẽ ung.

KỸ THUẬT NUÔI ẾCH

c. Kỹ thuật ấp trứng và nuôi nòng nọc

* *Ương trong ao:* Chỉ vớt ếch bố mẹ sang ao khác, để nguyên các ổ trứng trong ao, ương cho nở tự nhiên. Sau khoảng 24 giờ, trứng nở thành nòng nọc. Nòng nọc ăn phù du động vật trong ao; sau khi nở 3 - 4 ngày, cho nòng nọc ăn thêm 200 - 300g bột mỳ, bột gạo/1 vạn con/ngày, hoặc dùng dùng thức ăn viên độ đậm 40%. Mật độ ương khoảng 2.000 trứng/m²; tỷ lệ nở trung bình 50%; sau 15 ngày có thể san thưa nòng nọc, đem nuôi ở ao, bể khác.

* *Ương trong giai, bể:* Dùng giai bằng lưới nilông kích cỡ 1 x 0,8 x 0,3m. Mật độ 1 - 2 vạn trứng/m².

Ở nhiệt độ 22 - 26°C, trứng sẽ nở ra nòng nọc chỉ sau 22 giờ. Khi noãn hoàng tiêu hết, nòng nọc mới tự di kiếm ăn. Mật độ ương 15.000 - 20.000 trứng/m².

d. Kỹ thuật nuôi nòng nọc lên ếch con

* *Cho nòng nọc ăn:* Sau khi nở 3 - 4 ngày, vớt phù du động vật từ ao về cho ăn hoặc cho ăn bằng lòng đỏ trứng (4 quả/1 vạn nòng nọc/2 bữa sáng, chiều) bóp nhuyễn, rắc đều quanh bể. Trung bình từ nòng nọc lên ếch giống đạt tỷ lệ sống 50%.

* *San thưa:* Sau 8 ngày nuôi ở bể, san thưa với mật độ 500 - 1.000 con/m².

* *Thức ăn bổ sung gồm:* 20 - 30% đậm động vật trộn với 70 - 80% bột ngũ cốc. Khẩu phần ăn/ngày: 0,5 - 1kg/1vạn con. Tùy nhiệt độ, nòng nọc biến thái thành ếch con trong khoảng 21 - 25 ngày.



đ. Kỹ thuật nuôi ếch con lên ếch giống

* *Từ ngày 8 - 14:* Mật độ 2.000 - 3.000 con/m². Thức ăn: 30% tôm, tép, cá xay nhỏ trộn với 70% mì sợi, bún khô ngâm nước, cắt đoạn hoặc cơm nguội; Ngày cho ăn 2 lần; Khẩu phần ăn trong ngày bằng 8 - 10% trọng lượng ếch (khoảng 1 kg thức ăn/1.000 con/ngày);

* *Từ ngày 15 - 21:* Mật độ 500 - 1.000 con/m². Điều chỉnh thức ăn cho phù hợp;

* *Từ ngày 22 - 30:* Điều chỉnh thức ăn. Khi ếch rụng đuôi, cho ếch ăn thức ăn viên 40% đậm, lượng thức ăn 7 - 10% trọng lượng thân ếch.

2. KỸ THUẬT NUÔI ẾCH THỊT

a. Nuôi ếch trong ao

* *Chuẩn bị ao*

Mức nước 0,20 - 1,0 m. Ao có bố trí hệ thống sàn ăn, bè nổi cho ếch lên ăn mỗi, nghỉ ngơi. Có hệ thống kênh cấp thoát nước, hệ thống lưới che chắn, bảo vệ ếch.

* *Giống và mùa vụ*

- Mùa vụ thả từ tháng 4 đến tháng 9

- Trước khi nuôi nên tắm ếch giống trong nước muối 3%.

- Chọn ếch giống 45 ngày tuổi, cỡ đồng đều (3 - 6 cm/con), khoẻ mạnh, màu sắc đậm, không nhiễm bệnh hay bị dị tật, quen ăn thức ăn chế biến.

- Mật độ nuôi 40 - 60 con/m² hoặc 80 - 100 con/m² (tùy vào trình độ nuôi).

* *Thức ăn và cho ăn*

- Chủ yếu là thức ăn công nghiệp hoặc chế biến sẵn (độ đậm > 30%). Khẩu phần ăn trong ngày bằng 8 - 10% trọng lượng ếch trong ao.

- Cho ăn: Thảng đầu cho ăn 3 - 4 lần/ngày, khi lớn cho ăn 2 lần/ngày (sáng và chiều).

Những vùng có sẵn tôm, cá, cua đồng, giun đất, trứng vịt loại thì có thể dùng thức ăn tự chế để hạ giá thành. Trộn những loại thức ăn thô trên với cám gạo, cho vào máy nghiền thức ăn, phơi khô trong bóng râm (không phơi trực tiếp dưới ánh sáng nắng mặt trời).

Nếu dùng thức ăn viên, rải trực tiếp xuống ao. Nếu dùng thức ăn chế biến, để lên sàn ăn.

Nếu dùng thức ăn tươi sống, phải rửa sạch hoặc khử trùng trước khi cho ăn. Không thay đổi thức ăn hàng ngày đột ngột, vì ếch sẽ không ăn cho dù nó đang đói.

*** Chăm sóc**

- **Thay nước:** tháng đầu: 2 - 3 ngày thay nước 1 lần, mực nước luôn duy trì 20 - 30 cm. Từ tháng thứ 2 trở đi: Thay nước hàng ngày, mực nước có thể giảm xuống còn 10 - 15 cm. Nên thay nước vào buổi sáng. Nếu dùng nước giếng khoan, nên trữ lại ít nhất 1 ngày mới sử dụng.

- **Chăm sóc quản lý ao:** Thường xuyên bổ sung vitamin, thuốc bổ, men tiêu hoá vào khẩu phần ăn để tăng sức đề kháng và phòng bệnh cho ếch.

Mỗi tuần cho ếch tắm bằng thuốc sát trùng (thuốc tím, iodine)/lần.

Định kỳ 2 tuần cân ếch để có cơ sở điều chỉnh chế độ cho ăn và chăm sóc. Đồng thời phân loại ếch theo trọng lượng để tách nuôi riêng, tránh trường hợp cắn hoặc ăn thịt lẫn nhau.

*** Thu hoạch**

Ếch đạt 200g/con sau 3 - 3,5 tháng nuôi. Có thể thu toàn bộ.

b. Nuôi ếch thịt trong giai hoặc trong bể

*** Chuẩn bị giai hoặc bể**

- **Chuẩn bị giai:** Giai có kích thước 2 x 3m, hoặc 4 x 5m, hoặc 5 x 10m, cao 1 - 1,2 m, làm bằng lưới nilông may kín 5 mặt và phía trên có nắp đậy để tránh ếch nhảy ra ngoài và để phòng dịch hại.

+ Mực nước trong giai khoảng 20 - 30 cm.

+ Tạo giá thể cho ếch lên cạn cư trú (bè tre, lục bình). Tổng diện tích giá thể chiếm 2/3 - 3/4 diện tích giai.

- **Chuẩn bị bể xi măng:** Bể phải đảm bảo độ cao để ếch không nhảy được ra ngoài và tránh kẻ thù xâm nhập, xung quanh thành bể phải giăng lưới. Diện tích bể khoảng 10m², dưới đáy phải có ống thoát nước để tiện cho việc thay nước. Xây gờ 20 cm quanh phía trong bể, cao hơn mặt nước từ 5 - 10 cm để lấy nơi cho ếch nằm trên cạn.

*** Giống và mùa vụ**

Giống như nuôi trong ao, chỉ khác mật độ 100 con/m², mực nước 7 - 10 cm (ngập 2/3 thân ếch).

*** Thức ăn và cho ăn**

Giống như khi tiến hành nuôi trong ao. Chỉ khác khẩu phần ăn trong ngày ở giai đoạn mới thả giống bằng 5 - 7% trọng lượng ếch; Tháng tiếp theo là 2 - 3%.

*** Chăm sóc**

Ếch là loại động vật sống lưỡng cư, chúng thay da hàng ngày nên để làm cho nước trong bể nhanh bị bẩn. Vì vậy nên thay nước thường xuyên, 2 ngày/ lần trước khi ăn.

Nhằm tránh tình trạng ếch phân đàn, nên định kỳ lọc và phân cỡ để tránh hiện tượng cắn lẫn nhau. Cứ 3 ngày tiến hành phân đàn 1 lần. Theo dõi khả năng ăn của ếch để điều chỉnh lượng thức ăn phù hợp.

Định kỳ 15 ngày dùng thuốc tím 3g/m³ xử lý bể nuôi, ngâm ếch 5 - 10 phút. Phòng ngừa dịch hại như ếch meo, chuột, kiến...



Tạo giá thể cho ếch lên cạn cư trú

Sau khi nuôi 3 - 4 tháng, ếch đạt trọng lượng 150 - 300g/con có thể tiến hành thu hoạch.

3. THU HOẠCH VÀ VẬN CHUYỂN

a. Thu hoạch

- Thu nòng nọc bằng lưới cá hương;
- Thu ếch con bằng lưới nilon mắt nhỏ;
- Thu ếch thịt bằng lưới then 2 hoặc 3.

Thời gian thu vào sáng sớm hay chiều mát. Trước khi thu hoạch, ngừng cho ăn để ếch bài tiết hết phân, gom ếch lại với mật độ dày để quen dần trước khi vận chuyển.

Dụng cụ thu ếch phải trơn, nhẵn, bắt nhẹ nhàng, tránh xây xát.

b. Vận chuyển

- Chọn ngày trời mát, nhiệt độ không khí dưới 30°C;
- Nòng nọc vận chuyển bằng thùng, xô, chậu có nước sạch, mật độ 80 - 100 con/lít; Bể túi PE có bơm ôxy: 600 - 800 con/lít;
- Ếch con vận chuyển bằng sọt, rổ tre, lồng (có lót nilon) hoặc thùng, chậu, túi vải trong có một ít rong, bèo;
- Ếch thịt vận chuyển dụng cụ lớn hơn, thiết kế nhiều tầng, không chồng đè lên nhau, thoáng và giữ được độ ẩm bảo hoà.



TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

Hỏi: Xin hỏi chuyên gia, nuôi cá tầm trong vùng hồ chứa nước tinh có được không? Hiện nay, tôi muốn nuôi cá trong hồ chứa thì có phải xin giấy phép không?

Nguyễn Văn Sâm

Lương Sơn, Hòa Bình

Đáp: Nuôi cá tầm trong hồ chứa nước phải lớn, như hồ Hòa Bình, Yên Bái... hoặc tối thiểu từ 50 - 100 ha trở lên, độ sâu trên 10 mét và quan trọng nhất là nhiệt độ nước dao động trong năm phải đảm bảo từ 18 - 25°C; oxy nước trên 4mg/l (Nếu không đảm bảo các yếu tố trên thì sẽ không nuôi được).

- Muốn nuôi cá tầm trong hồ chứa nước thì trước tiên phải nằm trong vùng quy hoạch nuôi cá lồng tại địa phương, được sự đồng ý của Ban quản lý hồ chứa, Ủy ban Nhân dân huyện hoặc Sở Nông nghiệp và PTNT.

Hỏi: Gia đình tôi nuôi một con bò mẹ đang cho con bú. Từ khi mới bắt về được 5 ngày thì bò mẹ có hiện tượng đi ngoài, bác sĩ thú y tiêm thuốc đi ngoài, bò khỏi được khoảng hơn 1 tuần thì bị đi ngoài lại. Bác sĩ thú y tiếp tục tiêm thuốc chữa đi ngoài và tiêm sán lá gan, nhưng cũng chỉ được hơn 1 tuần sau thì bò mẹ lại bị lại. Hiện tại bò của gia đình tôi đang nuôi nhốt và cho ăn cỏ hoàn toàn, chưa cho ăn cám hay thức ăn khác. Mong Trung tâm tư vấn giúp gia đình tôi.

Trần Anh Chiến

Đáp: Với các triệu chứng bác mô tả thì chưa đủ để chẩn đoán bệnh cụ thể. Tuy nhiên, bò bị đi ngoài thường có 2 nguyên nhân chính như sau:

1. Nguyên nhân

- Nguyên nhân thứ nhất: Do bò ăn nhiều cỏ non nhưng thiếu thức ăn thô khô và thức ăn tinh. Do trong cỏ non có chứa chất Saponin gây kích ứng niêm mạc trực tràng, hậu môn làm tăng tiết của niêm mạc.

- Nguyên nhân thứ hai: Do kế phát của các bệnh ký sinh trùng như sán lá gan, ký sinh trùng đường máu.

2. Triệu chứng:

Mỗi nguyên nhân đều có các triệu chứng khác nhau.

- Nguyên nhân thứ nhất bò có các triệu chứng: bò đi ngoài nhưng phân không hôi tanh, lẫn máu, con vật không sốt...

- Nguyên nhân thứ hai bò có các triệu chứng: Bò sốt (40 - 41°C), giảm ăn hoặc bỏ ăn, kém nhai lại, miệng có mùi hôi, nhiều nước bọt loãng, đôi khi bị nôn. Phân lúc đầu thành khuôn, nhưng cuối bãi phân lẫn ít nhầy và máu tươi. Sau một vài ngày bò tiêu chảy phân loãng, màu bùn lẫn máu và màng giả, mùi hôi tanh... Bò bị mất nước nhanh.

3. Phòng bệnh

- Vệ sinh thức ăn nước uống và định kỳ tiêu độc chuồng trại bãi chăn thả.

- Định kỳ tẩy ngoại ký sinh trùng.

- Tăng sức đề kháng bệnh tật.

4. Điều trị

- Cần kiểm tra lại nguyên nhân gây bệnh là vi khuẩn, virus, ký sinh trùng hay thức ăn để có biện pháp điều trị thích hợp. Trước mắt:

- Cách ly con bệnh, cho ăn nhẹ, không cho ăn cỏ non, cho ăn thêm cháo gạo, vệ sinh chuồng trại.

- Cho uống tự do nước để bù nước và cân bằng chất điện giải. Nếu tiêu chảy nặng cần truyền nước sinh lý để chống mất nước.

- Nếu tiêu chảy phân hôi thối hoặc lẫn máu cần tiêm vitamin K để cầm máu và tiêm kháng sinh để phòng nhiễm trùng kế phát, có thể sử dụng các loại kháng sinh sau: Nofloxacin, Lincoseptin, Doxycyclin... Liều lượng và liệu trình theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Hỏi: Tôi có 1 héc ta cây bạch đàn trồng được 1 năm. Hiện nay, lá cây bị vàng, ngọn bị héo không phát triển được, số lượng bị bệnh khoảng 50%? Xin hỏi nguyên nhân và biện pháp khắc phục?

Đặng Văn Thảo

Đồng Hỷ, Thái Nguyên

Đáp:

Nguyên nhân:

- Bệnh do nấm *Eucalypti* gây ra làm cho lá cây vàng, ngọn bị héo không phát triển được. Nếu bị nặng sẽ dẫn đến cây bị chết.

Biện pháp phòng trừ:

+ Chọn các dòng bạch đàn có khả năng kháng và chống chịu bệnh cao như PN14, UP35, UP54 và một số dòng bạch đàn lai khác.

+ Cẩn chặt toàn bộ cành lá bị nhiễm bệnh vào đầu mùa mưa, mang ra khỏi rừng trồng và tiêu hủy.

+ Khi cây bị bệnh trên diện tích nhỏ có thể phun thuốc hoá học để tiêu diệt và tránh lây lan. Thuốc hoá học được sử dụng là: Zineb 0,2%, Daconil 0,1%.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

XUẤT KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN 9 THÁNG ĐẦU NĂM TĂNG 6%

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 9/2016 ước đạt 2,5 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 9 tháng đạt 23,3 tỷ USD, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2015.

Trong tháng 9, lượng gạo xuất khẩu ước đạt 396.000 tấn với giá trị đạt 176 triệu USD. Như vậy, khối lượng xuất khẩu gạo 9 tháng ước đạt 3,76 triệu tấn, với 1,69 tỷ USD, giảm 16,4% về khối lượng và giảm 12,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2015. Trung Quốc vẫn tiếp tục đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu gạo của Việt Nam với 35,5% thị phần. Tiếp theo là Ghana và Indonesia với thị phần lần lượt là 11% và 9,4%.

Trong các sản phẩm cây công nghiệp, cà phê vẫn là mặt hàng có sự tăng trưởng về giá trị mạnh nhất (22%) so với cùng kỳ năm 2015. Giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 4,9 tỷ USD, tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2015. Các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 5,1 tỷ USD tương đương với cùng kỳ năm 2015.

Chinhphu.vn

TRÁI XOÀI VIỆT NAM CHÍNH THỨC ĐƯỢC XUẤT KHẨU SANG ÚC

Theo Thương vụ Việt Nam tại Australia, sau 9 năm đàm phán, Úc vừa chính thức cấp phép các doanh nghiệp nhập khẩu xoài Việt Nam vào Úc.

Để xúc tiến thương mại và nhanh chóng đưa trái xoài Việt Nam có mặt tại thị trường này, bên lề Hội chợ quốc tế hàng thực phẩm Úc từ ngày 12 - 15/9/2016, Đại sứ quán và Thương vụ Việt Nam tại Úc đã tổ chức giới thiệu xoài Việt Nam, kết nối giao thương đưa xoài Việt vào thị trường Úc. Một biên bản ghi nhớ về việc hỗ trợ tiêu thụ nông sản nói chung và hoa quả tươi như vải, xoài... nói riêng của Việt Nam đã được ký kết giữa Thương vụ Việt Nam và Hội doanh nhân Việt Nam tại Úc.

Trong tháng 9/2016, lô xoài tươi đầu tiên đã có mặt tại thị trường Úc. Theo đó, thời gian tới, mỗi ngày, sẽ có khoảng 18 tấn xoài của hợp tác xã nhập khẩu vào thị trường Úc để bán tại các siêu thị, chợ đầu mối. Như vậy, sau trái vải, xoài là loại trái cây thứ hai của Việt Nam được nhập khẩu vào thị trường Úc.

Theo TTXVN

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

THÁI LAN BÁN 100.000 TẤN GẠO CHO PHILIPPINES

Phóng viên TTXVN tại Bangkok dẫn thông báo của Bộ Thương mại Thái Lan cho biết nước này vừa trúng gói thầu cung cấp 100.000 tấn gạo trắng 25% tằm với mức giá 424,85 USD/tấn cho Philippines. Dự kiến, thời gian vận chuyển hàng sẽ diễn ra vào tháng 9 và tháng 10.

Mức giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm và một số chi phí khác. Trong đợt đấu thầu mới nhất này, Thái Lan phải cạnh tranh với Việt Nam và Campuchia để bán gạo trắng cho Philippines. Việt Nam cũng trúng thầu bán 150.000 tấn gạo với mức giá tương tự.

Đây là đợt đấu thầu đầu tiên kể từ khi lên nắm quyền của Tổng thống Rodrigo Duterte và nằm trong kế hoạch nhập khẩu khoảng 1 triệu tấn gạo để bảo đảm nguồn cung lương thực trong năm 2017 cho người dân nước này.

Kế hoạch nhập khẩu gạo của Chính phủ Philippines sẽ giúp giá gạo chung của toàn cầu tăng. Mức giá hiện nay của các nhà cung cấp Thái Lan và Việt Nam vẫn duy trì ở mức thấp trong nhiều tháng qua.

Theo Bnew.vn

TRIỂN VỌNG SÁNG CỦA NGÀNH CÀ PHÊ COLOMBIA SAU THỎA THUẬN HÒA BÌNH

Bộ trưởng Tài chính Colombia, Mauricio Cárdenas khẳng định sản lượng cà phê tại quốc gia Nam Mỹ này sẽ tăng mạnh nếu Thỏa thuận hòa bình mà Chính phủ và nhóm du kích Lực lượng vũ trang cách mạng Colombia (FARC) vừa đạt được, được thông qua trong cuộc trưng cầu dân ý ngày 2/10 tới.

Ông Cárdenas dự đoán với việc thỏa thuận này trở thành hiện thực, sản lượng cà phê của Colombia vào năm 2020 có thể đạt mức 20 triệu bao (loại 60 kg/bao), vượt hơn 41,8% so với mức 14,1 triệu bao trong 2015 - mức cao nhất trong 23 năm qua. Ông nhận định môi trường hòa bình nói chung cũng như các điều khoản quy định trong thỏa thuận lịch sử được tuyên bố ngày 24/8 vừa qua sẽ đem lại điều kiện hoạt động kinh tế tốt hơn, an ninh được đảm bảo để mở rộng canh tác.

Colombia đứng thứ ba thế giới về sản lượng cà phê, sau Braxin và Việt Nam, nhưng đứng đầu về sản lượng cà phê chè. Năm nay, Colombia vẫn đặt mục tiêu sản xuất từ 14,5 - 15 triệu bao.

Theo TTXVN